

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 128/KTA-VP

TP. HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2016

V/v công bố thông tin Báo cáo
thường niên năm 2015.

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (mã chứng khoán:
PGD) xin công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2015.

Địa chỉ website đăng các báo cáo trên tại: <http://www.pvgasd.com.vn>

Trân trọng!

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2015.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu VT, HĐQT, TH.03.

Handwritten signature

GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Nam



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

== KHAI PHÁ TIỀM NĂNG ==
KHAI SINH GIÁ TRỊ

BÁO CÁO | 2015
THƯỜNG NIÊN | www.pvgasd.com.vn

NỘI DUNG

1. GIỚI THIỆU PV GAS D

04

- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 08 Thông tin khái quát
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức
- 16 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 18 Giới thiệu Ban Điều hành
- 20 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 22 Định hướng phát triển
- 24 Rủi ro



2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2015

26

- 28 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 31 Tổ chức và nhân sự
- 36 Tình hình đầu tư
- 40 Tình hình tài chính
- 42 Cơ cấu cổ đông
- 44 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

3. BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

48

- 50 Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
- 54 Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị

4. QUẢN TRỊ CÔNG TY

58

- 58 Hội đồng Quản trị
- 62 Ban Kiểm soát
- 64 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

64

- 68 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 70 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 72 Bảng cân đối kế toán
- 74 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 75 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 76 Thuyết minh báo cáo tài chính



P

ower

HÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

GIỚI THIỆU PV GAS D

Thông điệp Chủ tịch HĐQT	06
Thông tin khái quát	08
Quá trình hình thành và phát triển	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Sơ đồ cơ cấu, bộ máy tổ chức	14
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	16
Giới thiệu Ban điều hành	18
Giới thiệu Ban kiểm soát	20
Định hướng phát triển	22
Rủi ro	24

1 THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“

VỚI NGUỒN NHÂN LỰC CHUYÊN NGHIỆP, TẬN TÂM VỚI NGHỀ VÀ CÓ TÍNH THẦN TRÁCH NHIỆM CAO, CHÚNG TÔI TIN RẰNG PV GAS D SẼ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG ĐỀ RA, TIẾP TỤC TRỞ THÀNH “NHÀ PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP HÀNG ĐẦU CHO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM”.

Tổng doanh thu 2015
4.935
TỶ ĐỒNG
đạt 104,65% kế hoạch



Kính thưa Quý Cổ đông, các Nhà đầu tư, Đối tác, Khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam!

Trong năm 2015, nền kinh tế thế giới đang trong giai đoạn phục hồi nhưng vẫn còn nhiều bất ổn với những diễn biến phức tạp. Các tổ chức tài chính quốc tế cũng liên tục đưa các điều chỉnh “giảm” đối với tốc độ tăng trưởng của kinh tế Thế giới và hầu hết các nước. Nền kinh tế của Hoa Kỳ và Tây Âu khởi phục không vững chắc, trong đó Hoa Kỳ đang tăng trưởng chậm lại. Nền kinh tế Trung Quốc cũng đang bước vào giai đoạn khó khăn, tăng trưởng GDP giảm, kim ngạch xuất nhập khẩu giảm mạnh... Những tác động này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp trong nước nói riêng, trong đó có PV GAS D.

Nhận thấy được những khó khăn trong kinh tế thế giới, cùng với những biến động bất lợi tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: Sự lao dốc của giá dầu thế giới xuống còn quanh mức 40 USD/thùng, đây là mức thấp nhất trong vòng 05 năm trở lại đây đã gây sức ép lên giá dầu trong nước; Năm 2015 cũng là năm thứ 02 liên tiếp giá khí thiên nhiên sụt giảm mạnh, tương đương 19%. PV GAS D đã điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 cho phù hợp với thực tế. Theo kế hoạch điều chỉnh, hầu hết các chỉ tiêu đặt ra đều được hoàn thành vượt kế hoạch, cụ thể: Doanh thu thực hiện năm 2015 là 4.935,18 tỷ đồng, đạt 104,65% kế hoạch đề ra (4.716 tỷ đồng); Lợi nhuận sau thuế đạt 238,24 tỷ đồng, cao hơn 112,38% so với kế hoạch (212 tỷ đồng).

Đồng thời, năm 2015 cũng là năm đánh dấu bước ngoặt lớn trong quá trình hoạt động của công ty khi đã hoàn thành phần hạ nguồn Hệ thống thu gom khí & phân phối mở Hàm Rồng - Thái Bình. Dự án này là

đầu mối quan trọng, không chỉ tiếp tục duy trì, gia tăng lượng khí cung cấp cho tỉnh Thái Bình mà còn các tỉnh lân cận, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Bước sang năm 2016, nhận thức được những khó khăn do tình hình kinh tế còn nhiều biến động, PV GAS D sẽ tiếp tục phát huy những thành quả đạt được, khắc phục những khó khăn, vướng mắc hiện tại để ngày càng hoàn thiện và nâng cao năng suất, hiệu quả trong hoạt động. Với nguồn nhân lực chuyên nghiệp, tận tâm với nghề và có tinh thần trách nhiệm cao, chúng tôi tin rằng PV GAS D vẫn sẽ đạt được những mục tiêu tăng trưởng đề ra, tiếp tục trở thành “nhà phân phối khí thấp áp hàng đầu cho các khu công nghiệp tại Việt Nam”.

Tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị, gửi lời cảm ơn chân thành và kính chúc sức khỏe, hạnh phúc tới Quý Cổ đông, các Nhà đầu tư, Đối tác, Khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên PV GAS D.



Trần Trung Chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0304998686 đăng ký lần đầu ngày 23/05/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp
Vốn điều lệ	899.990.250.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	899.990.250.000 VNĐ
TRỤ SỞ CHÍNH	
Địa chỉ	Lầu 7, Tòa nhà PV Gas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM, Việt Nam
Số điện thoại	08.3784.0445
Số fax	08.3784.0446
WEBSITE	WWW.PVGASD.COM.VN
Mã cổ phiếu	PGD



1 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TIỀN THÂN

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PV GAS D) tiền thân là Xí nghiệp Kinh doanh Khí thấp áp Vũng Tàu, được phê duyệt phương án thành lập theo nghị quyết số 1109/QĐ-DKVN, ngày 12/4/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

NGÀY 23/05/2007

PV GAS D được thành lập theo giấy phép số 4103006815 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/05/2007, với vốn điều lệ là: 330.000.000.000 đồng. Trên cơ sở góp vốn của các cổ đông:

- Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (18% vốn điều lệ);
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (17% vốn điều lệ);
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (15% vốn điều lệ);
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (10% vốn điều lệ);
- CBCNV của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc và Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (năm 40% vốn điều lệ).

NGÀY 29/03/2010

Đại hội đồng cổ đông của PV GAS D ra Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/10 thông qua nội dung tiếp tục thực hiện Nghị quyết 03/NQ-ĐHĐCĐ/09 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 330 tỷ đồng lên 429 tỷ đồng trong năm 2010 với số lượng phát hành thêm là 9,9 triệu cổ phần.

TU QUY IV NĂM 2010

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần đã thực hiện cơ cấu lại danh mục thông qua thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam từ Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc và khớp lệnh để nâng tỷ lệ sở hữu lên 50,5% vốn điều lệ.

NGÀY 16/12/2010

PV GAS D được Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 266/2010/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 9.862.230 cổ phiếu PGD phát hành thêm và số lượng cổ phiếu này được chính thức giao dịch vào ngày 24/12/2010.

NGÀY 31/03/2011

PV GAS D được Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 35/2011/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 37.770 cổ phiếu PGD phát hành thêm và số lượng cổ phiếu này được chính thức giao dịch vào ngày 08/04/2011.

CÁC THÀNH TÍCH TRONG NĂM

2015



Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Giấy khen và Tập thể lao động xuất sắc của Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP.

Đề xuất khen thưởng Cờ thi đua Bộ Công thương cho Công ty.

Đề xuất khen thưởng Bằng khen Bộ Công thương cho phòng Tài chính Kế toán, Kỹ thuật An toàn, Dự án, Xí nghiệp Nhãn trách trực thuộc Công ty.

2007 - 2009. KHỞI ĐẦU

NGÀY 19/12/2008

Thay đổi về cổ đông sáng lập lần 1: Đại Hội đồng cổ đông PV GAS D ra Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ thông qua việc tách một phần cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cho: Công ty TNHH Minh Thành (3,29%), Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành (2,45%), Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Mai (2%).

NGÀY 14/10/2009

Thay đổi về cổ đông sáng lập lần 2: Đại hội đồng cổ đông PV GAS D ra Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển nhượng 1.086.000 cổ phần (3,29%) của cổ đông sáng lập là Công ty TNHH Minh Thành cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và theo Luật Doanh nghiệp của nước CHXHCNVN thì sau khi thực hiện mua cổ phần sáng lập, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín sẽ là một cổ đông sáng lập của PV GAS D.

NGÀY 19/11/2009

PV GAS D được Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết số 145/QĐSGDHCM.

NGÀY 26/11/2009

Cổ phiếu của PV GAS D chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với số lượng 33.000.000 cổ phiếu, mã chứng khoán là PGD.

2009 - NAY. KHANG ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀY 16/01/2014

Đại hội đồng cổ đông của PV GAS D ra Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2013 thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 429 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng với số lượng phát hành thêm là 17,1 triệu cổ phần.

NGÀY 08/09/2014

PV GAS D được Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 337/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 17.100.000 cổ phiếu PGD phát hành thêm và số lượng cổ phiếu này được chính thức giao dịch vào ngày 19/09/2014.

THÁNG 09 NĂM 2015

PV GAS D hoàn thành xây dựng lắp đặt và đưa vào vận hành Hệ thống phân phối khí cho Khu công nghiệp Tiên Hải Thái Bình.

NGÀY 30/11/2015

Đại hội đồng cổ đông của PV GAS D ra Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu thêm 299.995.220.000 đồng, tương ứng 29.999.522 cổ phiếu.

NGÀY 28/12/2015

Quyết định số 20/QĐ-HĐQT/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ Công ty từ 600.000.000.000 đồng lên 899.990.250.000 đồng và thực hiện các thủ tục có liên quan như thay đổi Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh....

NGÀY 08/01/2016

PV GAS D được Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 10//QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 29.999.025 cổ phiếu PGD phát hành thêm và số lượng cổ phiếu này được chính thức giao dịch vào ngày 20/01/2016.

1 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

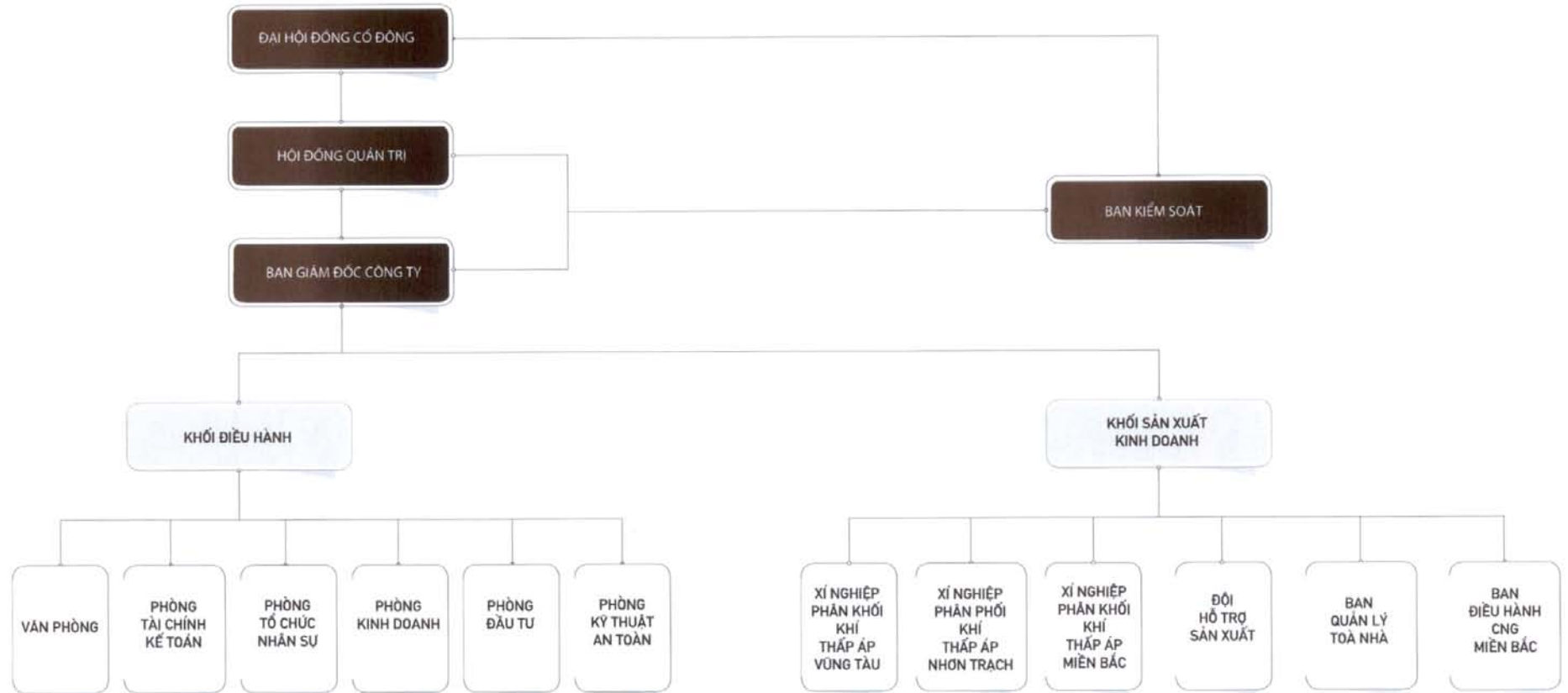
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- Phân phối, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm khí tự nhiên (KTA, CNG, LNG, Condensate và các sản phẩm chế biến sâu từ khí)
- Đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống phân phối sản phẩm khí tự nhiên và các sản phẩm chế biến sâu từ khí
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí
- Và các ngành nghề khác được đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Các Khu công nghiệp Phú Mỹ - Mỹ Xuân, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Khu công nghiệp Gò Dầu - Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Khu công nghiệp Hiệp Phước - Long Hậu, Thành phố Hồ Chí Minh - Tỉnh Long An
- Khu công nghiệp Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình
- Kinh doanh CNG khu vực Bắc Bộ và các khu vực xa đường ống khác
- Kinh doanh Khí đô thị

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU
BỘ MÁY TỔ CHỨC**



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông TRẦN TRUNG CHÍNH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Quốc tế
Số hữu cổ phần: 15.300.000 cổ phần chiếm 17% vốn điều lệ
Cá nhân số hữu: 0 cổ phần
Đại diện số hữu: Đại diện PV GAS 15.300.000 cổ phần chiếm 17% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Từ 1983 - 1988: Khẩu đội trưởng pháo binh - Pháo binh - đặc khu Quảng Ninh.
Từ 4/1985 - 1986: Đảng viên.
Từ 1987-1988: Chỉ ủy viên.
Từ 1991 - 1994: Nhân viên - Công ty khí đốt Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh.
Từ 1994 - 2004: Chuyên viên Hành chính - XNK/Trưởng phòng kinh doanh/XNK, CT Công đoàn cơ sở.
Từ 2004 - 2006: Bí thư Chi bộ, Tổng Giám đốc - Công ty LD Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-GAS)
Từ 2006 - 2009: Bí thư Chi bộ, Phó TGD - Công ty LD Khí hóa lỏng Việt Nam (VT-GAS)
Từ 2009 - 2010: Bí thư Chi bộ, UV HĐQT, TGD, Công ty TNHH Khí hoá lỏng Việt Nam (VT - GAS)
Từ 2010 - 2010: Phó Bí thư Đảng bộ, Phó Tổng Giám đốc - CTCP Tập đoàn CNNL DKNV (PV EIC)
Từ 2010 - 2011: Phó Bí thư Đảng bộ, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CNNL DKNV (PV EIC)
Từ 2011 - 05/2012: Phó Bí thư Đảng bộ, UV HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty CNNL DKNV (PV EIC)
Từ 05/2012 - 03/2014: Phó Bí thư Đảng bộ, UVHQDT - Tổng Công ty CNNL DKNV (PV EIC)
Từ 03/2014 - 04/2015: Đảng viên, UV HĐQT Công ty CP Sản xuất ống thép Dầu khí VN (PV GAS)
Từ 04/2015 - nay: Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch HĐQT PV GAS D.



Ông TRẦN THANH NAM
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Khoan - Khai thác dầu khí
Số hữu cổ phần: 12.150.000 cổ phần chiếm 13,5% vốn điều lệ
Cá nhân số hữu: 0 cổ phần
Đại diện số hữu: Đại diện PV GAS 12.150.000 cổ phần chiếm 13,5% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Từ 9/1999 - 05/2000: Nhân viên Phòng Nghiên cứu phát triển, Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại và Sản xuất I & Quang.
Từ 06/2000 - 12/2000: Trợ lý Giám đốc, Công ty TM & DV Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Từ 1/2001 - 04/2001: Kỹ sư đội cho thuê thiết bị Khoan, Xi nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển, Công ty PTSC.
Từ 4/2001 - 06/2004: Chuyên viên Phòng Tổ chức - Hành chính, Công ty PDC.
Từ 6/2004 - 12/2004: Tổ trưởng Tổ Hành chính, Công ty PDC.
Từ 1/2005 - 10/2005: Phó Phụ trách Phòng Kinh doanh, Xi nghiệp PDC Vũng Tàu, Công ty PDC.
Từ 10/2005 - 11/2005: Trưởng phòng Kinh doanh Xi nghiệp PDC Vũng Tàu, Công ty PDC.
Từ 11/2005 - 05/2006: Phó phòng, phụ trách phòng Kinh doanh Công ty PDC.
Từ 05/2006 - 05/2007: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty PDC.
Từ 06/2007 - 09/2007: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP KD Khí hóa lỏng Miền Nam (KMN)
Từ 10/2007 - 07/2011: Giám đốc chi nhánh Sài Gòn, Công ty KMN.
Từ 07/2011 - 07/2014: Phó Giám đốc KMN kiêm Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai.
Từ 08/2014 - 10/2014: Chủ tịch HĐQT Công ty KMN.
Từ 10/2014 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc PV GAS D.



Ông PHẠM VĂN HUỆ
Thành viên Hội đồng Quản trị

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán
Số hữu cổ phần: 9.000.009 cổ phần chiếm 10% vốn điều lệ
Cá nhân số hữu: 9 cổ phần chiếm 0,0001% vốn điều lệ
Đại diện số hữu: Đại diện PV GAS 9.000.000 cổ phần chiếm 10% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Từ 02/1981 - 02/1982: Chuyên viên phòng Tài vụ, Ban Kiến thiết khu công nghiệp Dầu khí.
Từ 02/1982 - 03/1984: Tham gia quân đội tại bộ đội biên phòng Vũng Tàu Côn Đảo.
Từ 04/1984 - 09/1986: Chuyên viên phòng Vật tư, Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu.
Từ 10/1986 - 02/1988: Phó phòng Vật tư, Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu.
Từ 03/1988 - 03/1993: Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty Khí đốt.
Từ 04/1993 - 05/2001: Phụ trách phòng TCKT, Ban Quản lý Dự án khí, Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ 06/2001 - 01/2003: Trưởng phòng TCKT, Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ 01/2003 - 08/2006: Kế toán trưởng Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ 08/2006 - 08/2007: Trưởng Ban đổi mới doanh nghiệp, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ 09/2007 - 15/10/2014: Chủ tịch HĐQT CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.
Từ 15/10/2014 đến nay: Thành viên HĐQT PV GAS D.



Ông LÊ QUYẾT THẮNG
Thành viên Hội đồng Quản trị

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh Tổng hợp
Số hữu cổ phần: 9.004.705 cổ phần chiếm 10,01% vốn điều lệ
Cá nhân số hữu: 4.705 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ
Đại diện số hữu: Đại diện PV GAS 9.000.000 cổ phần chiếm 10% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Từ 12/1985 - 08/1989: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh.
Từ 09/1989 - 09/2004: Cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh.
Từ 09/2004 - 02/2010: Giám đốc phòng giao dịch Thạch Khê, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh.
Từ 03/2010 - 09/2010: Phó Giám đốc Phụ trách Nhà máy Bọc ống, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí.
Từ 09/2010 - 04/2011: Giám đốc Nhà máy Bọc ống, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí.
Từ 04/2011 - 04/2012: Phó Giám đốc Phụ trách Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí - Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ 04/2012 - 11/2013: Chủ tịch HĐQT Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí - Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ 12/2013 đến nay: Thành viên HĐQT PV GAS D.



Ông NGUYỄN NHƯ SONG
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Viễn Thông
Số hữu cổ phần: 94.872 cổ phần chiếm 0,11% vốn điều lệ công ty
Cá nhân số hữu: 94.872 cổ phần chiếm 0,11% vốn điều lệ công ty
Đại diện số hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ công ty

Quá trình công tác:

Từ 03/1987 - 06/1993: Kỹ sư phụ trách Phòng Nghiên cứu, Xi nghiệp Liên doanh Sản xuất thiết bị Viễn Thông Việt Nam (VTC) Tổng cục Bưu Điện.
Từ 06/1993 - 06/1996: Trưởng phòng Nghiên cứu sản xuất tổng đài Trung tâm VTC1, Công ty thiết bị Điện thoại (VITECO), Tổng Công ty Bưu chính Viễn Thông Việt Nam (VNPT).
Từ 06/1996 - 11/1999: Phó Giám đốc Trung tâm VTC1, Công ty Thiết bị Điện thoại.
Từ 11/1999 - 04/2007: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn Thông VTC.
Từ 04/2007 - 04/2009: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Du lịch Hậu Giang, Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An.
Từ 04/2009 - 04/2014: Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch Hậu Giang, Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An.
Từ 05/2012 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An, Thành viên HĐQT Công ty CP Đá Núi Nhỏ, Thành viên HĐQT độc lập PV GAS D.

1 GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRẦN THANH NAM
Giám đốc

[Xem phần "Giới thiệu HĐQT để biết thông tin về ông Trần Thanh Nam]



Ông NGUYỄN QUANG HUY
Phó Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đối ngoại
Số hữu cổ phần: 618 cổ phần chiếm 0,0007% vốn điều lệ
Cá nhân số hữu: 618 cổ phần chiếm 0,0007% vốn điều lệ
Đại diện số hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:
Từ tháng 12/1994 - 05/2007: Chuyên viên phòng Thương mại và phòng Dịch vụ & Thị trường - Xi nghiệp Liên doanh dầu khí Vietsovpetro.
Từ tháng 06/2007 đến nay: Phó Giám đốc PV GAS D.



Ông ĐINH NGỌC HUY
Phó Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện 10, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Số hữu cổ phần: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:
Từ tháng 08/1996 - 09/1998: Chuyên viên Trung tâm vận hành khí thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ tháng 10/1998 - 08/2001: Phó Quản đốc Nhà máy xử lý khí Đình Cỏ - Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ tháng 09/2001 - 10/2002: Phó Giám đốc Trung tâm vận hành khí tại Vũng Tàu.
Từ tháng 10/2002 - năm 2006: Phó Giám đốc Xi nghiệp chế biến khí - Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ năm 2006 - 07/2007: Trưởng phòng Công nghệ thông tin - Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ tháng 07/2007 đến nay: Phó Giám đốc PV GAS D.



Ông ĐỖ PHẠM HỒNG MINH
Phó Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khoan thăm dò
Số hữu cổ phần: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:
Từ 2001-2008: Kỹ sư Khoan thăm dò Viện Dầu khí Hà Nội
Từ 2008 - 10/2015: Trưởng phòng Dự án PV GAS D
Từ 10/2015 - đến nay: Phó Giám đốc PV GAS D.



Ông TRƯƠNG MẠNH THẮNG
Phó Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số hữu cổ phần: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:
Từ năm 1997 - 1999: Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty CP Vật tư tổng hợp Hải Giang, Nhân viên tiếp tân Khách sạn Victoria Cần Thơ.
Từ năm 1999 - 2007: Công tác tại Công ty PetroMekong (lần lượt đảm nhận các vị trí: Nhân viên Phòng Tiếp thị, Cửa hàng trưởng Cửa hàng xăng dầu Cái Nước, Tổ trưởng bán hàng công nghiệp, Trưởng Chi nhánh Công ty PetroMekong tại Bạc Liêu, Phó phòng Kế hoạch - Xuất khẩu Công ty).
Từ năm 2007 - 2009: Công tác tại Công ty chế biến kinh doanh sản phẩm dầu mỏ (PDC) (lần lượt đảm nhận các vị trí: Phó phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc, Giám đốc Xi nghiệp Tổng kho xăng dầu Vũng Tàu trực thuộc Công ty PDC).

Từ năm 2009 - 2012: Công tác tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (lần lượt đảm nhận các vị trí: Giám đốc Công ty xăng dầu Dầu khí miền Đông, Chủ tịch HĐQT Công ty xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu, Giám đốc Công ty CP vận tải xăng dầu Dầu khí Việt Nam).
Từ 06/2012 - 09/2014: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC).
Từ 10/2014 - 09/2015: Phó Chủ tịch HĐQT PE-TEC trực thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam.
Từ 10/2015 - đến nay: Phó Giám đốc PV GAS D.



Bà NGUYỄN PHƯƠNG THUY
Kế toán Trưởng

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Kinh tế
Số hữu cổ phần: 7.507 cổ phần chiếm 0,0083% vốn điều lệ
Cá nhân số hữu: 7.507 cổ phần chiếm 0,0083% vốn điều lệ
Đại diện số hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:
Từ năm 1985 - 1988: Kế toán viên Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Tổng hợp công nghệ phẩm thuộc Sở Thương nghiệp Hà Nội.
Từ năm 1988 - 1990: Kế toán viên Công ty Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.
Từ năm 1990 - 1999: Kế toán Trưởng Xi nghiệp Cung ứng vật tư hàng hóa thuộc Công ty Dịch vụ Dầu khí sau là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí.
Từ năm 1999 - 2002: Công tác tại phòng Kinh doanh Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ năm 2002 - 2005: Trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Trưởng phòng TOHC Xi nghiệp Kinh doanh Khí thấp áp trực thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ năm 2005 - 2007: Kế toán Trưởng Xi nghiệp Kinh doanh Khí thấp áp.
Từ tháng 07/2007 đến nay: Kế toán Trưởng PV GAS D.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà PHẠM THỊ THU HÀ
Trưởng Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán
Số hữu cổ phần: 49% cổ phần chiếm 0,006% vốn điều lệ công ty

Quá trình công tác:

Tháng 08/1994 – tháng 05/1998: Làm kế toán Công ty Lâm viên Cây xanh - TP. Vũng Tàu.

Tháng 06/1998 – tháng 07/1999: Phó phòng kế toán Công ty Lâm viên Cây xanh - TP. Vũng Tàu.

Tháng 08/1999 – tháng 06/2009: Kế toán trưởng Công ty Lâm viên Cây xanh - TP. Vũng Tàu.

Từ tháng 07/2009 – 31/08/2014: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng tại Công ty CP Phát triển Công viên cây xanh và Đô thị - Vũng Tàu.

Từ tháng 12/2014 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát PV GAS D, TV HĐQT Công ty CP Phát triển Công viên cây xanh và Đô thị - Vũng Tàu.



Bà ĐĂNG THỊ HỒNG YẾN
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán các doanh nghiệp sản xuất, Cử nhân Ngoại ngữ - Tiếng Anh
Số hữu cổ phần: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Từ năm 1995 – 2006: Chuyên viên Quản lý doanh nghiệp tại Cục Quản lý vốn và Tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp (sau này là Phòng Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài Chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Từ năm 2006 – 06/2007: Kế toán tổng hợp Tổng công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 07/2007 – 21/01/2015: Kế toán tổng hợp Tổng công ty Khí Việt Nam kiêm Thành viên Ban Kiểm soát PV GAS D.

Từ 21/01/2015 đến nay: Trưởng phòng Kế toán - Ban Kế toán Kiểm toán Tổng công ty Khí Việt Nam kiêm Thành viên Ban Kiểm soát PV GAS D.



Bà NGUYỄN THỊ THU HÀ
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp, Thạc sỹ Kinh tế
Số hữu cổ phần: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Từ 2001 – 2005: Chuyên viên phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban Quản lý Dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau.

Từ tháng 07/2006 – 07/2008: Chuyên viên bộ phận Tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt.

Từ tháng 12/2008 – 04/2012: Chuyên viên phòng Dự án PV GAS D.

Từ tháng 05/2012 – tháng 1/2016: Chuyên viên phòng Dự án kiêm Thành viên Ban Kiểm soát PV GAS D.

Từ tháng 01/2016 đến nay: Chuyên viên phòng Đầu tư kiêm Thành viên Ban Kiểm soát PV GAS D.



1

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



MỤC TIÊU CHÍNH TỪ 2015 - 2035

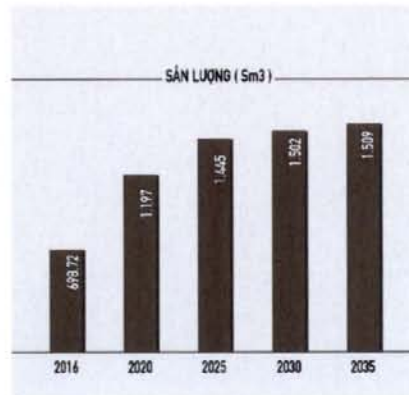
PV GAS D vẫn sẽ là nhà phân phối độc quyền khí thấp áp trong cả nước;

Tiếp tục phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ khí, cụ thể PV GAS D tiếp tục phát triển và mở rộng mạng lưới tiêu thụ khí tại các KCN Phú Mỹ - Mỹ Xuân - Gò Dầu, Nhơn Trạch, Hiệp Phước và Bắc Bộ.

Từng bước quy hoạch, phát triển trải rộng hệ thống phân phối khí tự nhiên khắp khu vực Đông Nam Bộ, Bắc Bộ và xây dựng, hình thành mạng lưới khách hàng tiêu thụ khí tại các khu vực Tây Nam Bộ và miền Trung Việt Nam, kết nối với các đường ống chính của PV GAS.

Phát huy và khẳng định thế mạnh sẵn có trong lĩnh vực cung cấp khí tự nhiên, tiếp tục phát triển, đầu tư xây dựng và đẩy mạnh công tác thị trường theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, đa dạng hoá khách hàng, mở rộng mạng lưới tiêu thụ nhằm gia tăng giá trị sử dụng khí.

Mục tiêu sản lượng từ 2016 - 2035 như sau:



CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ TRUNG VÀ DÀI HẠN

VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và hệ thống quản lý an toàn OHSAS 18001:1999.

Xây dựng và khai thác hiệu quả mạng thông tin điện tử trong quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh. Về phát triển nguồn lực:

Xây dựng chiến lược nhân sự trên cơ sở định hướng phát triển dài hạn nhằm hoàn thiện tính chuyên nghiệp trong công tác tổ chức và đảm bảo tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong công nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong toàn thể đội ngũ CBCNV. Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại, khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV học tập, nâng cao trình độ.

VỀ ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG

Xây dựng hệ thống phân định trách nhiệm phối hợp trong nội bộ PV GAS D, trong đó PV GAS D chịu trách nhiệm quyết định, thẩm định đầu tư, đơn đốc, kiểm soát, hỗ trợ thực hiện, các đơn vị chủ động, tự chủ trong những lĩnh vực được giao.

Tham gia góp vốn đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực thu gom, vận chuyển, phân phối các sản phẩm khí tự nhiên, CNG, LNG ...

VỀ TÀI CHÍNH

Xác định chính xác nhu cầu vốn từng thời kỳ, đảm bảo huy động vốn có hiệu quả phục vụ cho các dự án đầu tư phát triển, đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Đa dạng hóa nguồn vốn, đa sở hữu các lĩnh vực hoạt động: huy động vốn các chủ sở hữu, các đối tác và vốn vay... nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp

như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình khí.

VỀ KINH DOANH

Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa hộ tiêu thụ nhằm gia tăng giá trị sử dụng khí.

Cung cấp cho khách hàng nguồn khí đảm bảo ổn định về chất lượng và số lượng với chính sách giá cả phù hợp với từng hộ tiêu thụ và đảm bảo lợi ích của khách hàng. Phát triển nhanh thị trường khí thấp áp, CNG, LNG tại khu vực miền Đông Nam, Tây Nam và Bắc Bộ đảm bảo tiêu thụ hết khí vào bờ và khí/LNG nhập khẩu do PV GAS giao.

Phát triển kinh doanh khí đô thị, xây dựng quy hoạch mạng lưới và hạ tầng phát triển khí đô thị.

VỀ SẢN XUẤT

Có chính sách khuyến khích các hộ công nghiệp chuyển đổi từ tiêu thụ nguồn nhiên liệu truyền thống sang tiêu thụ nguồn khí thấp áp.

Chủ trọng đầu tư và ứng dụng ngay các thành tựu khoa học và quản lý tiên tiến để bắt kịp trình độ sản xuất kinh doanh của các nước tiên tiến.

Rà soát định mức sử dụng vật tư thiết bị, nguyên nhiên vật liệu nhằm giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh doanh.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Cung cấp nguồn nhiên liệu sạch góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới, bảo đảm thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.

Việc đưa khí và các sản phẩm khí vào sử dụng rộng rãi và thông dụng trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trên toàn quốc góp phần rất nhiều vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, bảo vệ thiên nhiên, môi trường, nâng cao chất lượng, điều kiện sống cho toàn thể cộng đồng xã hội.

RỦI RO



RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của các doanh nghiệp nói chung và PV GAS D nói riêng. Các nhân tố ảnh hưởng đến nền kinh tế bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế, thị trường, lạm phát, tỷ giá hối đoái... nếu có sự biến động mạnh sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc gia cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê thì tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014, trong đó quý I tăng 6,12%; quý II tăng 6,47%; quý III tăng 6,81%; quý IV tăng 6,83%, đây là tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với

bình quân cả năm 2014, là mức tăng thấp nhất trong 14 năm gần đây và thấp hơn nhiều so với mục tiêu CPI tăng 5%. Chỉ số lạm phát cơ bản tăng 2,05% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến thời điểm 21/9/2015, tăng trưởng tín dụng đạt 10,78% so với thời điểm cuối năm 2014, đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011. Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế được duy trì là những tín hiệu đáng mừng của nền kinh tế, cho thấy những nỗ lực của Chính phủ trong việc quản lý, ổn định và phát triển thị trường. Tình hình kinh tế năm 2015 có nhiều dấu hiệu khả quan nếu trên cũng được thể hiện qua kết quả sản xuất kinh doanh đáng mong đợi của nhiều doanh nghiệp trong đó có PV GAS D.

Trong tương lai, với nhiều đổi mới trong chính sách quản lý kinh tế như việc Ngân hàng nhà nước ban hành tỷ giá trung tâm nhằm nâng cao vị thế của VND, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô,

hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; việc gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sẽ là những cơ hội để các doanh nghiệp trong nước có thể tìm thêm đối tác và phát triển ra ngoài phạm vi nước nhà.

RỦI RO ĐẶC THÙ

PV GAS D phụ thuộc vào nguồn cung khí của PV GAS, vì vậy, mọi biến động từ các hoạt động thăm dò, khai thác đầu khí sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung nguyên liệu cũng như chi phí đầu vào của Công ty. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhu cầu sử dụng nguyên liệu thô trong khu vực ngày càng tăng, trong khi các nguồn tài nguyên thiên nhiên có giới hạn thì rủi ro về nguồn cung nguyên liệu đầu vào sẽ đặt ra một bài toán khó đòi hỏi Công ty, cũng như các doanh nghiệp cùng ngành nói chung cần có cái nhìn khác hơn, có các biện pháp hiện

đại và hiệu quả hơn trong khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Bên cạnh đó, sản phẩm của Công ty là khí - là sản phẩm có nhiệt trị lớn, hiệu suất đốt cháy cao, rất dễ cháy nổ. Đây là một trong những rủi ro tiềm tàng có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người, môi trường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, điều kiện về an toàn phòng chống cháy nổ đòi hỏi rất nghiêm ngặt. Để giảm thiểu rủi ro này ở mức thấp nhất, PV GAS D luôn chú trọng tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật từ khâu thiết kế, chế tạo, xây dựng đến vận hành, bảo dưỡng và phòng chống cháy nổ.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

PV GAS D là doanh nghiệp đã niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vì vậy mọi hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện; đặc biệt năm 2015 đánh dấu sự thay đổi lớn trong hệ thống Luật pháp Việt Nam khi hàng loạt các luật mới được ban hành thay thế luật cũ như Luật Doanh nghiệp, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn dưới luật đòi hỏi PV GAS D cần cập nhật nhanh chóng, kịp thời để không gây thay đổi lớn trong hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, do hoạt động kinh doanh trong ngành khí, công ty còn chịu sự chi phối của luật pháp chuyên ngành như Luật Đầu khí Việt Nam, Luật đầu tư, Luật thuế... các văn bản dưới luật có liên quan khác.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Ngoài việc thực hiện theo quy định của luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh, Công ty còn chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ Môi trường. Những hoạt động khai thác, sử dụng và quy hoạch dự án của Công ty phải đảm bảo những tiêu chuẩn theo Luật này. Vấn đề quan trọng hiện nay là việc xử lý chất thải, tránh gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của xã hội là điều được mọi người quan tâm. Những điều này có ảnh hưởng rất lớn đến hình ảnh và vị thế của doanh nghiệp trong ngành. Hoạt động trong lĩnh vực dầu, khí và đặc biệt là những nhiên liệu thân thiện với môi trường như LPG, CNG, LNG... chính vì thế, PV GAS D đặc biệt rất quan tâm đến những vấn đề này, thực hiện tăng cường phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường và lợi ích xã hội.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của PV GAS D.



Vision

ƯỚN XA TẮM NHÌN

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2015

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	28
Tổ chức và nhân sự	31
Tình hình đầu tư	36
Tình hình tài chính	40
Cơ cấu cổ đông	42
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	44



2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM TRONG ĐÓ CÓ PV GAS D BẮT BUỘC PHẢI ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN ĐỂ PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG NÓI CHUNG. TUY NHIÊN, VẤN ĐẢM BẢO VIỆC KHAI THÁC THEO CHỈ ĐẠO CHUNG CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGÀNH DẦU KHÍ.



STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2014 (Trình bày lại)	TH 2015	KH 2015	TH 2015/ TH 2014	TH 2015/ KH 2015
1	Sản lượng	Triệu Sm3	634,86	653,38	581,39	102,92%	112,38%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	6.964,61	4.935,18	4.716,00	70,86%	104,65%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	213,81	308,27	271,00	144,18%	113,75%
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	89,78	87,71	86,50	97,69%	101,40%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	165,49	238,24	212,00	143,96%	112,38%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	27,58	26,47	16,80	-	-
7	Giá trị giải ngân ĐT & XDCB	Tỷ đồng	88,75	394,90	674,10	444,96%	58,58%

SẢN LƯỢNG NĂM 2015

653,38

TRIỆU Sm³

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

308,27

TỶ ĐỒNG

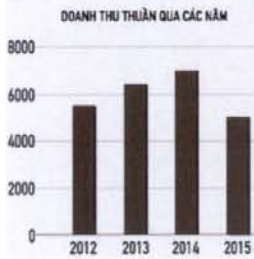
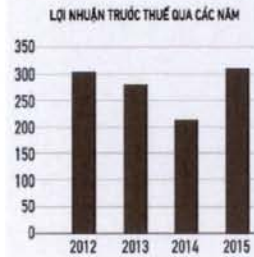
đạt 113,75% kế hoạch

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ NÓI CHUNG:

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu còn nhiều bất ổn, kinh tế thế giới vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường có thể kể đến như sau: thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu; triển vọng kinh tế khu vực Eurozone chưa thật lạc quan; sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu với việc giảm giá đồng Nhân dân tệ đã tác động mạnh tới kinh tế thế giới. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm.

Đặc biệt, năm 2015 chứng kiến sự lao dốc của giá dầu thế giới xuống còn quanh mức 40 USD/thùng, đây là mức thấp nhất trong vòng 05 năm trở lại đây, đồng thời đã gây sức ép lên giá dầu trong nước. Năm 2015 cũng là năm thứ 02 liên tiếp giá khí thiên nhiên sụt giảm mạnh, tương đương 19%. Các doanh nghiệp trong ngành dầu khí Việt Nam trong đó có PV GAS D bắt buộc phải điều chỉnh giảm giá bán để phù hợp với tình hình thị trường nói chung. Tuy nhiên, vẫn đảm bảo việc khai thác theo chỉ đạo chung của Nhà nước đối với ngành dầu khí.

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chịu ảnh hưởng từ sự tác động của thị trường, dù sản lượng năm 2015 của PV GAS D đạt 653,38 triệu sm³ tăng gần 3% so với năm 2014 nhưng doanh thu năm 2015 của PV GAS D giảm mạnh xuống còn hơn 4.935 tỷ, chỉ đạt tương đương 70% doanh thu cùng kỳ. Song song đó, với đặc thù giá vốn hàng bán chiếm hơn 90% doanh thu, giá đầu giảm trong năm 2015 cũng đã kéo giảm mạnh chỉ phí giá vốn hàng bán của công ty xuống còn 4.202 tỷ tương đương 85,16% doanh thu thuần. Lợi nhuận trước thuế của công ty năm 2015 đạt hơn 308 tỷ tăng tương đương 44% so với năm 2014 và đạt 113,75% kế hoạch cả năm 2015.

Kế hoạch kinh doanh năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông PV GAS D thông qua dựa trên cơ sở giá đầu ở mức 100 USD/thùng. Xét tình hình diễn biến giá đầu trên thực tế, Hội đồng Quản trị công ty đã đề trình và được Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP thông qua việc thực hiện điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của công ty cho phù hợp với thực tế và vấn đề trên sẽ được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của PV GAS D. Theo kế hoạch được điều chỉnh, năm 2015 PV GAS D đạt hiệu quả kinh doanh tương đối cao, tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm đều vượt kế hoạch.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH TRONG NĂM

VỀ SẢN XUẤT

Phối hợp chặt chẽ và liên tục với PV GAS nhằm đảm bảo nguồn cung khí đầy đủ.

Đảm bảo vận hành hệ thống phân phối khí đúng quy trình kỹ thuật; cung cấp khí liên tục cho khách hàng.

Công tác bảo trì, sửa chữa được định kỳ được thực hiện theo đúng kế hoạch, đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo chất lượng hệ thống đường ống phân phối đủ tiêu chuẩn, hạn chế tối đa sự cố hoặc thất thoát trong quá trình cung cấp. Trường hợp xảy ra sự cố bất thường, công tác khắc phục được triển khai nhanh chóng, kịp thời.

VỀ KINH DOANH

Công tác nghiên cứu phát triển thị trường là nhiệm vụ tối quan trọng của bộ phận kinh doanh. Trong năm, Công ty đã phát triển hơn 21 khách hàng mới trên khắp cả nước.

Tại khu vực phía Nam: thương hiệu PV GAS D đã có chỗ đứng vững chắc tuy nhiên, công tác thị trường tại đây vẫn

cần được theo sát nhằm tăng cường khách hàng là hộ công nghiệp tại các Khu công nghiệp Phú Mỹ - Mỹ Xuân - Gò Dầu - Nhơn Trạch...

Tại khu vực phía Bắc: dự án phân phối khí tại Khu công nghiệp Tiên Hải - Thái Bình hoàn tất cung cấp thêm 17 khách hàng mới cho Công ty. PV GAS D đồng thời nghiên cứu thị trường tại các khu vực Hưng Yên, Bắc Ninh, Ninh Bình.

Phối hợp với PV GAS nhằm đảm bảo nguồn cung khí công như ngày càng đa dạng hóa các sản phẩm khí.

Công tác chăm sóc khách hàng được đảm bảo, xây dựng ngày càng hiệu quả để khách hàng tăng sản lượng tiêu thụ khí.

VỀ TÀI CHÍNH

Công tác theo dõi công nợ được theo dõi sát sao đảm bảo thu hồi công nợ, không để xảy ra tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi.

Tình hình nợ vay của Công ty cũng được bộ phận phụ trách cân đối phù hợp, đảm bảo Công ty không phụ thuộc vào nguồn vốn vay.

Công tác thu xếp, cân đối vốn cho các dự án được ban lãnh đạo Công ty cân nhắc kỹ lưỡng. Trong năm 2015 đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ Công ty lên 899 tỷ đồng.

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Công tác đầu tư xây dựng dự án được thực hiện theo đúng kế hoạch của công ty nói riêng cũng như của ngành nói chung, đảm bảo cho an ninh năng lượng quốc gia.

Công tác nhân sự tại PV GAS D cũng được quan tâm đúng mực. CBCNV được tạo điều kiện phát huy năng lực cá nhân. Chính sách đãi ngộ được Công ty xây dựng phù hợp nhằm mục tiêu gắn liền quyền lợi của CBCNV với Công ty.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ CŨ	CHỨC VỤ MỚI TẠI PV GAS D	NGÀY BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
1	Ông Trần Trung Chính	UV HĐQT PV PIPE	Chủ tịch HĐQT	15/04/2015
2	Ông Trương Mạnh Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT PETEC	Phó Giám đốc	01/10/2015
3	Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	Trưởng phòng Dự án PV GAS D	Phó Giám đốc	01/10/2015

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 12/NQ-HĐQT/2015 ngày 15/04/2015,
Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 19/NQ-KTA ngày 01/10/2015.

2 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

THỐNG KÊ VỀ NHÂN SỰ

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ TRỌNG (%)
I	THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG	244	100%
1	Trình độ trên đại học	11	4,51%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	161	65,98%
3	Trình độ trung cấp	19	7,79%
4	Công nhân kỹ thuật	53	21,72%
II	THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	244	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	163	66,80%
2	Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	81	33,20%
III	THEO GIỚI TÍNH	244	100%
1	Nữ	63	25,82%
2	Nam	181	74,18%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NAM 2014	NAM 2015	2015/2014
Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên	Người	215	244	113,49%
Thu nhập bình quân	Triệu Đồng/người/tháng	28,53	30,05	106,91%

Tính đến 31/12/2015, số lượng cán bộ công nhân viên toàn Công ty là 244 người tăng 13,49% so với năm 2014, trong đó trình độ người lao động tương đối cao, khoảng 70,5% cán bộ nhân viên đạt trình độ đại học trở lên.

Mức lương bình quân trong năm 2015 của mỗi nhân viên đạt mức 30,05 triệu/người/tháng tăng tương đương 6,91% so với năm 2014.

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ TUYỂN DỤNG

Đặc thù ngành cần lao động chất lượng cao, vì vậy năng lực cá nhân luôn là yếu tố hàng đầu được Công ty lựa chọn là tiêu chí tuyển chọn cán bộ nhân viên (CBCNV). Tuy nhiên, để tương xứng với yêu cầu cao của mình, Công ty phải đồng thời xây dựng chính sách lương, thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn. Mặt khác, PV GAS D cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng người lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc.

Ngoài ra, việc bố trí lao động phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh, tuyển dụng lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí chuyên môn luôn là vấn đề được PV GAS D chú trọng. Từng cán bộ nhân viên tại Công ty được tạo điều kiện để phát huy những điểm mạnh và khắc phục thiếu sót của bản thân, trường hợp vị trí được phân bổ không phù hợp, cán bộ sẽ được xem xét điều chuyển vị trí công tác tương ứng khác nhằm phát triển tối đa năng suất làm việc cũng như năng lực của cá nhân.

VỀ ĐÀO TẠO

Tại PV GAS D, công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của CBCNV, tạo môi trường học tập và phát triển nguồn nhân lực luôn được chú trọng. Vì đối với PV GAS D, năng lực và trình độ chuyên môn của CBCNV cần được cải tạo không ngừng mới có thể đáp ứng được trình độ phát triển của công nghệ, của đặc thù ngành,

mang lại hiệu quả cao cho Công ty và chính sự phát triển của từng cá nhân làm việc tại PV GAS D. Vì vậy, Công ty thường xuyên mời các chuyên gia, nhà đào tạo đến để hướng dẫn, tập huấn những kiến thức cần thiết, giới thiệu và tổ chức CBCNV tham dự các lớp tập huấn, các khóa học ngắn hạn giúp đội ngũ lao động hiểu rõ, năng

cao kiến thức và các kỹ năng đồng thời tiết kiệm được thời gian và chi phí.

Riêng đối với lãnh đạo Công ty, ngoài năng lực chuyên môn, năng lực quản trị Công ty cũng là một yếu tố mà từng cá nhân lãnh đạo cần hoàn thiện để đảm nhận đúng vai trò, trách nhiệm của mình. Trong trường hợp cần thiết, PV GAS D sẽ tài trợ tiền học phí để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu công việc.

Hàng năm, PV GAS D lên kế hoạch tổ chức cho CBCNV tham dự các lớp tập huấn, các khóa học ngắn hạn giúp đội ngũ lao động hiểu rõ, nâng cao kiến thức và các kỹ năng đồng thời tiết kiệm được thời gian và chi phí. Cụ thể, năm 2015 PV GAS D đã thực hiện được hơn 40 khóa đào tạo với 566 lượt người tham gia, tổng chi phí 1,97 tỷ đồng đạt 90% kế hoạch.



TT	CÁC KHÓA ĐÀO TẠO	KẾ HOẠCH (TRIỆU ĐỒNG)	THỰC HIỆN (TRIỆU ĐỒNG)	% THỰC HIỆN / KẾ HOẠCH
1	Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên	1.655	1.452	87,74%
-	Tài chính - kế toán - kiểm toán	32	322	1.006,23%
-	Xây dựng	163	325	199,44%
-	An toàn Môi trường	320	126	39,47%
-	Kỹ thuật - Công nghệ	485	68	14,02%
-	Sản xuất - Vận hành - Bảo trì	655	611	93,23%
2	Đào tạo các kỹ năng công tác	520	493	94,86%
3	Đào tạo nội bộ	25	25	100,00%
TỔNG CỘNG		2200	1970	89,56%

2 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI

PV GAS D thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày, 05 ngày/tuần hoặc làm theo ca 8 tiếng, 40h/tuần. Tất cả các nhân viên đều có cơ hội được phát huy tối đa khả năng sáng tạo và vốn kiến thức hiểu biết của mình.

PV GAS D thực hiện việc phân bổ quỹ lương, chi trả tiền lương, tiền thưởng hàng tháng, quý, năm cho CBCNV gắn với kết quả công việc, kết quả kinh doanh và tuân thủ theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Thực hiện điều chỉnh lương chức danh cho CBCNV trong Công ty kịp thời, gắn với kết quả thực hiện công việc và chính sách thu hút lao động có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý giỏi, đồng viên khuyến khích kịp thời CBCNV có thành tích xuất sắc. Xét điều chỉnh lương cơ bản hàng năm cho CBCNV theo đúng quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định khác của Công ty và Nhà nước.

Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Pháp luật, PV GAS D thực hiện mua bổ sung các loại hình bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động như: Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI Care, Bảo hiểm nhân thọ trả sau, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV trong Công ty.

“ PV GAS D THỰC HIỆN VIỆC PHÂN BỐ QUỸ LƯƠNG, CHI TRẢ TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG HÀNG THÁNG, QUÝ, NĂM CHO CBCNV GẮN VỚI KẾT QUẢ CÔNG VIỆC, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TUÂN THỦ THEO QUY CHẾ TRẢ LƯƠNG, TRẢ THƯỞNG CỦA CÔNG TY



2 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2015

Trong năm 2015, các dự án của Công ty được thực hiện đúng kế hoạch, cụ thể: PV GAS D đã hoàn thành xây dựng lắp đặt và đưa vào sử dụng Dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiên Hải - Thái Bình và tuyến ống cấp khí cho các khách hàng tại KCN Nhơn Trạch 3 thuộc Hệ thống phân phối khí thấp áp cho các KCN Nhơn Trạch - Giai đoạn 2.

STT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	NĂNG LỰC THIẾT KẾ	KẾT CHUYỂN	THỜI GIAN		TỔNG MỤC ĐẦU TƯ	GIÁ TRỊ GIẢI NGẮN KH 2015	GIÁ TRỊ GIẢI NGẮN TH 2015	CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN 2015
					HOÀN THÀNH	CÁN DƯ				
I	DỰ ÁN NHÓM B						1.428,6	389,3	392,9	
L1	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP						1.428,6	389,3	392,9	
1	Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiên Hải - Thái Bình, trong đó:	Thái Bình	1 triệu m ³ khí/ngày đêm	QIV/14	QIII/15	Quyết định 08/QĐ-HĐQT ngày 08/04/2014	1.311,3	365,8	385,7	Hoàn thành xây dựng lắp đặt, đưa vào vận hành, đang làm thủ tục thanh quyết toán, lựa chọn nhà thầu kiểm toán.
1.1	Đường ống khí thấp áp						394,7	120,7	127,2	
1.2	Hệ thống CNG						916,6	245,1	258,4	
2	Hệ thống cấp khí thấp áp cho các KCN Nhơn Trạch GD 2	Đồng Nai		QI/12	QIV/17	Quyết định số 175/QĐ-KTA ngày 06/08/2010	117,3	23,5	17,4	Hoàn thành xây dựng, lắp đặt tuyến ống, hồ sơ đầu chờ để cấp khí cho khách hàng trong KCN Nhơn Trạch III, ký hợp đồng xây dựng lắp đặt hệ thống cấp khí cho khách hàng trong KCN Nhơn Trạch III và V
II	MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ						2,0	2,0	2,0	
	TỔNG SỐ						1430,6	391,3	394,9	

2

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ (tiếp theo)

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP CHO KCN TIỀN HẢI - THÁI BÌNH

Hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình là hệ thống cung cấp khí cho khu công nghiệp Tiên Hải, tỉnh Thái Bình và các tỉnh lân cận, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và thúc đẩy kinh tế của địa phương và khu vực phía Bắc, đây cũng là chiến lược mở rộng thị trường khí ra phía miền Bắc Việt Nam của Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP.

TUYẾN ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP

Quy mô, vị trí và địa điểm xây dựng tuyến ống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiên Hải - Thái Bình, cụ thể như sau:

- Điểm tiếp nhận khí (tie-in 10") từ trạm xử lý khí (GDC) đặt tại xã Đông Cơ, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.
- Tuyến ống chính bao gồm: từ trạm phân phối khí Tiên Hải LGDS đến hố van đầu chờ rẽ nhánh trên đường số 1, rẽ trái theo hành lang kỹ thuật của KCN, băng qua sông Long Hầu đến đầu chờ tại công ty
- Các tuyến ống nhánh 2", 3", 4" cấp cho các khách hàng trong KCN Tiên Hải;
- Trạm giám áp và phân phối khí LGDS đặt tại xã Đông Cơ, huyện Tiên Hải - Thái Bình;
- 18 khách hàng nhà máy;
- Công suất thiết kế của tuyến ống phân phối khí thấp áp là 1 triệu m³ khí/ngày đêm.

HỆ THỐNG NÉN VÀ PHÂN PHỐI KHÍ CNG

Trạm khí nén CNG Tiên Hải - Thái Bình dự kiến đặt tại ngay cạnh trạm phân phối khí thấp áp Thái Bình (LGDS), bao gồm các hạng mục chính sau:

- Đường ống khí kết nối trạm phân phối khí thấp áp Thái Bình (LGDS) với trạm đặt máy nén CNG dự kiến;
- Trạm máy nén CNG bao gồm 09 máy nén và hệ thống thiết bị đo đếm;
- Thiết bị vận chuyển khí nén đi xa: xe kéo và bồn-trailers;
- Hệ thống điều khiển;
- 04 trạm khách hàng: bao gồm cụm thiết bị giám áp (PRU) để giám áp suất khí nén trong bồn chứa xuống áp suất sử dụng của khách hàng. Trạm đặt trong khu vực nhà máy của khách hàng
- Công suất trạm nén CNG: 150 triệu m³ khí/năm



VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ NHƯ:

- Nhà vận hành (Control room);
- Trạm biến áp;
- Hệ thống điện Diesel dự phòng;
- Hệ thống cấp nước;
- Hệ thống PCCC bằng nước: dùng chung một số thiết bị của trạm GDC Thái bình như bồn nước và các máy bơm nước chữa cháy;
- Đường nội bộ, hàng rào bảo vệ;
- Hệ thống chống ăn mòn điện hoá;

Thiết kế bảo vệ cho phần đường ống chôn ngầm, như Test Station, Spark gap (chống điện áp cao trong đường ống), MIJs.

Anode và Transformer Rectifier được xem xét, sử dụng chung với hệ thống đường ống của dự án Hệ thống thu gom và phân phối khí từ các mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình lò 102- lò 106 - giai đoạn 1.

Thực hiện Gas-in ngày 7/8/2015. Trong thời gian tới, PV GAS D tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối CNG cho các khách hàng tại khu vực Bắc Bộ. Nâng cấp, mở rộng hệ thống phân phối khí thấp áp cho các khách hàng tại KCN Tiên Hải -Thái Bình; Xây dựng hệ thống cung cấp nhiên liệu dự phòng cho khách hàng KTA tại KCN Tiên Hải - Thái Bình.

HỆ THỐNG CẤP KHÍ THẤP ÁP CHO CÁC KCN NHƠN TRẠCH GĐ 2:

Hệ thống phân phối Khí thấp áp để cung cấp khí cho các khách hàng tại 09 KCN tập trung (Nhơn Trạch I; II; III; V; VI; Nhơn Trạch II- Lộc Khang; Nhơn Trạch II- Nhơn Phú; KCN Ông Kèo; KCN Đét Mây) nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình phát triển bền vững của tỉnh Đồng Nai, giảm thiểu mức độ ô nhiễm trong các KCN theo Luật môi trường và quy chế về bảo vệ môi trường UBND tỉnh Đồng Nai ban hành.

GIAI ĐOẠN 1: (TỪ 2010 ĐẾN 2012)

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 288,7 tỷ đồng.
- Đã hoàn thành đầu tư xây dựng công trình "Hệ thống phân phối khí thấp áp cho các KCN huyện Nhơn Trạch, giai đoạn 1" gồm có: tuyến ống chính 10", 14"; trạm phân phối khí thấp áp Nhơn Trạch (LGDS Nhơn Trạch); tuyến ống nhánh 6", 4", 3" và 6 trạm khách hàng (Hoàng Gia, Hyosung, Bách Thành, ChangYih, Caesar, Kim Phong).
- Tổng công suất hệ thống là 2 triệu m³ khí/ngày đêm.
- Trên tuyến ống chính và các tuyến ống nhánh có lắp đặt các đầu chờ để nối vào các hệ tiêu thụ khí tương lai.

GIAI ĐOẠN 2: (TỪ 2012-2017)

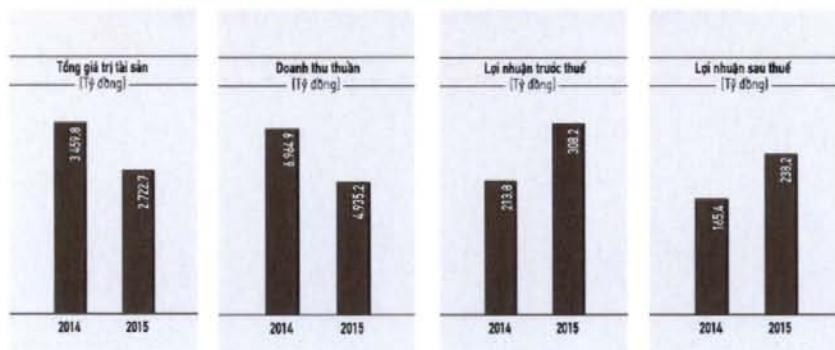
- Tổng mức đầu tư : 117,3 tỷ đồng
- Hoàn thành thành hệ thống cấp KTA cho khách hàng Thép Nhà Bè, Formosa, Sam Hwan Vina.
- Hoàn thành thi công tuyến ống 4" cấp khí trong KCN Nhơn Trạch III - Formosa theo đúng tiến độ và đã ký kết hợp đồng cung cấp khí với khách hàng Chinwell.
- Hoàn thành thi công trạm cấp khí cho 02 khách hàng Shunyin, Hyosung.
- PV GAS D tiếp tục đầu tư mở rộng tuyến ống và trạm khí khi có khách hàng mới.

2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2014 (Trình bày cũ)	NĂM 2015	% TĂNG GIẢM
1	Tổng giá trị tài sản	3.459.782.585.808	2.722.721.031.968	-21,30%
2	Doanh thu thuần	6.964.610.577.045	4.935.182.026.843	-29,14%
3	Lợi nhuận từ HBKD	214.404.197.065	311.458.863.546	45,27%
4	Lợi nhuận khác	[594.794.605]	[3.189.609.318]	436,25%
5	Lợi nhuận trước thuế	213.809.402.460	308.269.254.228	44,18%
6	Lợi nhuận sau thuế	165.494.240.578	238.235.471.228	43,95%
7	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	25%	10%[*]	-

Ngày 14/10/2015 Hội đồng Quản trị Công ty ban hành quyết định số 20/NQ-KTA phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2015 với tỷ lệ 10%. Tỷ lệ chi trả cổ tức chính thức cho năm 2015 sẽ được Đại hội cổ đông năm 2016 thông qua.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2014	NĂM 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,35	1,48
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,34	1,46
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	66,40%	53,36%
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	197,62%	114,40%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	-	-
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,32	1,60
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DTT	%	2,38%	4,83%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ VCSH	%	15,14%	19,59%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ TTS	%	5,51%	7,71%
-	Hệ số Lợi nhuận từ HBKD/ DTT	%	3,08%	6,31%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty năm 2015 đã được cải thiện hơn năm trước và đều lớn hơn 1, tức là một đồng nợ của Công ty được đảm bảo gần 1,5 đồng tài sản, thể hiện khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp trong tình trạng tốt.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty có xu hướng giảm trong năm 2015 xuống còn 53,36% so với tỷ lệ 66,4% của năm 2014. Tương tự, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2015 cũng giảm từ 197,62% năm 2014 xuống còn 114,40% trong năm 2015. Trong năm Công ty đã thực hiện cần đổi nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty có giá trị rất lớn do phân ảnh đặc thù khi thiên nhiên là mặt hàng kinh doanh bằng đường ống. Vì vậy, khí sẽ được tiêu thụ ngay sau khi khai thác hoặc sản xuất, có thể nói Công ty gần như không có tồn kho. Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản Công ty năm 2014 đạt giá trị 2,23, tương đương 01 đồng tài sản tạo ra 2,32 đồng doanh thu. Sang năm 2015, tỷ lệ trên giảm xuống còn 1,6. Nguyên nhân là do trong năm công ty ghi nhận giá trị tài sản cố định của Công ty do dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiền Hải - Thái Bình đã được hoàn tất và đưa vào sử dụng.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Tất cả các chỉ số về khả năng sinh lợi của Công ty đều gia tăng trong năm 2015, đặc biệt là ROA và ROE đều tăng mạnh, cho thấy hiệu quả kinh doanh cao của Công ty.

2 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH
89.999.025
 CỔ PHIẾU

CỔ PHẦN

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 89.998.070 cổ phiếu
 - Cổ phiếu quỹ: 955 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
 Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần

THỐNG KÊ CỔ ĐÔNG

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	TỶ LỆ (%) (VDL)
I	Cổ đông trong nước	1.753	83.618.615	836.186.150.000	92,9106%
1	Cổ đông lớn	1	45.450.000	454.500.000.000	50,5005%
2	Cổ đông tổ chức	49	1.031.843	10.318.430.000	1,1465%
3	Cổ đông cá nhân	1.703	37.136.772	371.367.720.000	41,2635%
II	Cổ đông nước ngoài	51	6.379.455	63.794.550.000	7,0884%
1	Cổ đông tổ chức	14	6.034.659	60.346.590.000	6,7052%
2	Cổ đông cá nhân	37	344.796	3.447.960.000	0,3831%
III	Cổ phiếu quỹ	-	955	9.550.000	0,0011%
	Tổng cộng	1.804	89.999.025	899.990.250.000	100%

CỔ ĐÔNG LỚN

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG (CPI)	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	TỶ LỆ (%)
1	Tổng Công ty Khí Việt nam - CTCP (PV GAS)	Tòa nhà PVGAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM	45.450.000	454.500.000.000	50,5%
	Tổng cộng		45.450.000	454.500.000.000	50,5%

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	TÊN SÁNG LẬP MIỀN	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ (%)	LOẠI CỔ PHẦN
1	Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành	51/5 Đường số 3, KP2, P. Bình An, Q2, Hồ Chí Minh	24.897	248,97	0,03%	Cổ phần phổ thông
2	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	399 Nguyễn An Ninh, phường 9, Vũng Tàu	568.132	5.681,32	0,63%	Cổ phần phổ thông
3	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Tòa nhà PV Gas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP. HCM	45.450.000	454.500	50,5%	Cổ phần phổ thông

Theo Luật doanh nghiệp, sau thời hạn ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 23/05/2007, đến nay đã được hơn 03 năm nên các cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU	ĐVT	TRƯỚC KHI THAY ĐỔI	THAY ĐỔI	SAU KHI THAY ĐỔI	LÝ DO
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	60.000.000	29.999.025	89.999.025	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Trong năm 2015, Công ty không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

2 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

Nguyên liệu đầu vào của Công ty là khí thiên nhiên được cung cấp độc quyền bởi Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) thông qua quy trình sản xuất khép kín và được vận chuyển bằng hệ thống đường ống. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra, hạn chế tối đa được thất thoát và hao phí trong quá trình sản xuất cũng như vận chuyển.

Tuy nhiên, nguồn nguyên liệu khí thiên nhiên là nguồn tài nguyên thiên nhiên có giới hạn, vì vậy việc khai thác và sử dụng khí thiên nhiên luôn là vấn đề đòi hỏi Công ty cần có định hướng xa hơn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tình hình khai thác tại các bể đầu khí tại Việt Nam hiện nay như sau:

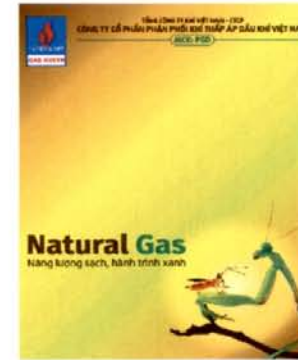
- **Bể Cửu Long:** có diện tích 60.000 km² trải dài từ sông Cửu Long ra đến Biển Đông, bể được xem là có trữ lượng đầu mỏ lớn nhất Việt Nam, tuy nhiên đã được khai thác trên 23 năm nên sản lượng khai thác đang trên đà suy giảm.
- **Bể Nam Côn Sơn:** có diện tích khoảng 160.000 km², có vị trí nằm về phía đông nam bể Cửu Long, có trữ lượng tiềm năng lớn. Bể Nam Côn Sơn hiện có 07 mỏ đang được sản xuất và khai thác là Lan Tây, Đại Hùng, Lan Đỏ, Chim Sáo, Thiên Ưng...
- **Bể Malay - Thổ Chu:** có diện tích khoảng 40 km², nằm ở phía tây nam Việt Nam, trong vịnh Thái Lan, có trữ lượng tiềm năng 300-400 triệu tấn dầu quy đổi.

Theo nhiều nghiên cứu, dự báo, trữ lượng khí tại các bể đang dần cạn kiệt sau nhiều năm khai thác. Trong khi đó, trên đà phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam, nhu cầu sử dụng khí thiên nhiên phục vụ cho sản xuất điện năng, phân bón sẽ ngày càng gia tăng, tạo khoảng cách chênh lệch giữa cung và cầu khí thiên nhiên. Dự kiến đến năm 2020, nguồn cung trong nước sẽ không còn đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng. Để đảm bảo được nguồn cung cấp khí thiên nhiên phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, Việt Nam cần tìm kiếm những nguồn cung cấp khí thiên nhiên mới hoặc nhập khẩu từ nước ngoài.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG:

Tình hình tiêu thụ năng lượng tại PV GAS D năm 2015:

DANH MỤC CÁC NGUYÊN LIỆU, ĐIỆN NĂNG	TIÊU THỤ NĂM 2014	TIÊU THỤ NĂM 2015	± TĂNG GIẢM	NĂM 2015	
				KẾ HOẠCH	% TĂNG GIẢM/TH NĂM 2015
Điện năng tiêu thụ (Kwh)	477.760,00	2.280.442	377%	10.639.822	366,57%
Xăng các loại (Lit)	79.388,38	85.792	8%	91.282	6,40%
Dầu DO (tấn)	0,45	8.613	1913900%	23.238	169,80%



Tình hình tiêu thụ năng lượng năm 2015 tăng đột biến so với năm 2014, cụ thể tổng mức điện năng tiêu thụ năm 2015 là 2,3 triệu Kwh, tăng tương đương 377% so với mức 0,48 triệu Kwh của năm 2014. Nguyên nhân có sự chênh lệch lớn này là do trong năm Công ty đã triển khai vận hành hệ thống máy nén trong hệ thống sản xuất và phân phối khí tại KCN Tiên Hải - Thái Bình, phục vụ khách hàng tại khu vực miền Bắc. Đồng thời, có thể thấy, khối lượng dầu DO sử dụng trong năm 2014 là không đáng kể, tuy nhiên con số này lại tăng mạnh trong năm 2015 lên 8,6 nghìn tấn phục vụ chủ yếu cho việc vận hành máy phát điện của Xí nghiệp miền Bắc.

Dự kiến trong tương lai, với việc đưa vào vận hành Hệ thống phân phối khí Tiên Hải - Thái Bình thị trường phân phối tại miền Bắc của Công ty sẽ ngày càng được mở rộng. Đơn cử trong năm 2015, Công ty đã ký được hợp đồng cung cấp khí thấp áp cho 17 khách hàng và cung cấp CNG cho 07 khách hàng khác. Vì vậy, tình hình sử dụng năng lượng điện, xăng dầu các loại trong năm 2016 tiếp tục gia tăng, tuy nhiên tốc độ gia tăng sẽ được kiểm soát sao cho phù hợp với công suất vận hành của hệ thống phân phối khí, đảm bảo không xảy ra lãng phí, gây tác hại đến môi trường xung quanh khu vực.

TIÊU THỤ NƯỚC:

Tình hình tiêu thụ nước trong năm của Công ty là không đáng kể do quá trình sản xuất các sản phẩm của công ty không sử dụng nguồn nước.

2 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

PV GAS D xây dựng Hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường (AT - CL - MT) tích hợp theo các yêu cầu tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 & OHSAS 18001:2007, trong đó chú trọng hoàn thiện và cải tiến hệ thống quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với mục đích thỏa mãn tối đa các yêu cầu khách hàng bằng chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tuân thủ các yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường và các yêu cầu khác. PV GAS D xây dựng hệ thống quản lý tích hợp An toàn - Chất lượng - Môi trường theo mô hình Plan - Do - Check - Act.

PV GAS D đã được TÜV Rheinland cấp chứng chỉ chứng nhận Hệ thống Quản lý AT- CL- MT theo các yêu cầu tiêu chuẩn Quốc tế OHSAS 18001, ISO 9001 và ISO 14001 từ năm 2008 và chứng chỉ đang được áp dụng, duy trì liên tục đến nay.

Trong năm 2015, Công ty không để xảy ra các sự cố có liên quan đến môi trường hay các các trường vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

Ngoài ra, với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của Công ty, sử dụng tiết kiệm hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, gửi tranh ảnh cổ động ngày bảo vệ môi trường, trưng bày các hình ảnh thảm họa môi trường, ô nhiễm biển và đại dương...trên bản tin toàn đơn vị.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Cơ cấu lao động và các chính sách có liên quan đến việc đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động Công ty được nêu chi tiết tại mục II.2 báo cáo này.

Ngoài các chính sách nêu trên, hằng năm PV GAS D nghiêm túc thực hiện công tác rà soát, kiểm tra tình hình an toàn lao động, đảm bảo sức khỏe cũng như tinh thần của toàn thể các bộ nhân viên Công ty. Tổng kết năm 2015, Công ty đã thực hiện 499.200h làm việc an toàn, trong đó có 8.759,58h vận hành an toàn liên tục và 0,42h dừng cục bộ do sự cố. Tổng kết cả năm 2015, Công ty không để xảy ra bất kỳ trường hợp tai nạn lao động nào tại Công ty.

Bên cạnh đó, để chăm sóc tốt hơn cho đời sống tinh thần của cán bộ nhân viên, hằng năm PV GAS D còn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ... như chương trình Họp mặt cuối năm, thực hiện đúng tinh thần vui chơi hiệu quả, an toàn, tiết kiệm, gắn kết giữa các CBCNV PV GAS D, tái tạo sức lao động để bắt đầu lại công việc hăng hái hơn. Chương trình Đêm hội trăng rằm cho con em CBCNV nhằm tạo sân chơi lành mạnh để các cháu thiếu nhi gắn kết, gần gũi với nhau hơn, đồng thời cũng là món quà ý nghĩa, khích lệ các cháu nhân dịp năm học mới.



Xác định người lao động là một trong những nhân tố quyết định sự phát triển thành công và bền vững cho PV GAS D, Ban lãnh đạo Công ty không ngừng quan tâm, cải cách các chính sách có liên quan đến người lao động, sao cho phù hợp nhất để CBCNV tại PV GAS D luôn được đảm bảo về đời sống vật chất lẫn tinh thần, để CBCNV luôn là người đồng hành cùng quá trình phát triển của Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh việc theo đuổi mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động, trách nhiệm của công ty với cộng đồng, xã hội cũng là một trong những vấn đề được Ban lãnh đạo PV GAS D chú trọng. Trong năm 2015, Công ty đã dành gần 3,4 tỷ đồng cho công tác từ thiện, cụ thể: tại tỉnh Thái Bình Công ty đã đã tặng 1 xe cứu thương 3 tỷ đồng cho Hội chữ thập đỏ Thái Bình, 06 nhà đại đoàn kết cho hộ chính sách - hộ nghèo, tặng quà tết cho 74 hộ nghèo và 25 suất học bổng cho học sinh nghèo với tổng giá trị gần 360 triệu đồng; tại TP.HCM và Đồng Nai Công ty tặng quà cho 50 hộ dân nghèo, trao 70 phần quà, suất học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn, học giỏi 2 năm liền tổng giá trị 38 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức lao động ngoài giờ tạo kinh phí cho quỹ tương trợ đầu khí, quỹ vì thế hệ trẻ, quỹ nghĩa tình đồng đội và ủng hộ đồng bào bị thiên tai với kinh phí 1,15 tỷ đồng. Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện báo cáo này do chưa có hướng dẫn cụ thể của UBCKNN.



Natural Gas

Năng lượng sạch, hành trình xanh

Growth
TIA TĂNG GIÁ TRỊ

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	50
Đánh giá chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	50
Tình hình tài chính	51
Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016	52
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	54
Đánh giá của hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	54
Đánh giá của hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	55
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	55



3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PV GAS D ĐÃ TÍNH TOÁN VÀ PHÂN TÍCH CHI TIẾT ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁ DẦU THÔ THỂ GIỚI GIẢM THEO TỪNG MỨC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA ĐƠN VỊ TRÊN CƠ SỞ ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH GIÁ FLOATING (GIÁ NỔI) THEO PHẦN TRĂM GIÁ NHIÊN LIỆU FO/LPG ĐỂ GIỮ QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI KHÁCH HÀNG

TỔNG TÀI SẢN
4.935
TỶ ĐỒNG

Tình hình kinh tế trong nước năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có nhiều biến động mạnh, trong đó là sự lao dốc kỷ lục của giá dầu thô thế giới, liên tục được giao dịch dưới ngưỡng 50 USD/thùng trong vòng năm tháng qua và có thời điểm xuống quanh ngưỡng 35 - 36 USD/thùng, mức giá thấp nhất trong 11 năm qua và nhiều nguồn dự báo quốc tế cho thấy đã giảm còn có khả năng tiếp tục trong năm 2016. Theo đó, giá các nhiên liệu FO/LPG trong nước cũng đang ở mức thấp, cụ thể vào giai đoạn cuối năm 2015 đầu năm 2016 giá FO chỉ khoảng 8,5 USD/mmBTU và khoảng 11 USD/mmBTU LPG. Các loại nhiên liệu giá rẻ như than, biomass tiếp tục giữ nguồn cung ổn định trên thị trường với giá cả rất cạnh tranh.

Trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích giữa PV GAS D và khách hàng trong bối cảnh giá nhiên liệu LPG/FO tiếp tục có những bất ổn về giá và có xu hướng tiếp tục giảm xuống mức thấp hơn nhiều đề về giá khí thấp áp, PV GAS D đã tính toán và phân tích chi tiết ảnh hưởng của giá dầu thô thế giới giảm theo từng mức đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trên cơ sở áp dụng chính sách giá floating (giá nổi) theo phần trăm giá nhiên liệu FO/LPG để giữ quan hệ hợp tác với khách hàng và để bù đắp sản lượng có nguy cơ bị sụt giảm, đảm bảo hoàn thành kế hoạch, để thuyết phục khách hàng hiện tại tiếp tục sử dụng khí thấp áp trong giai đoạn có nhiều nhiên liệu thay thế cạnh tranh như hiện nay.

Kết quả trong năm 2015, sản lượng sản xuất của công ty vẫn được đảm bảo, đạt 653,38 triệu m³, vượt 12% kế hoạch đề ra và tăng tương đương 2% so với sản lượng năm 2014. Lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt mức 238 tỷ đồng tương đương 12% so với cùng kỳ và vượt 43% kế hoạch cả năm.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Công tác phát triển thị trường:

Năm 2015, Công ty nâng tổng số khách hàng sử dụng khí của PV GAS D lên số lượng 72 khách hàng. Tại khu vực phía nam, có tất cả 05 khách hàng mới ký kết hợp đồng sử dụng khí thấp áp làm nguyên liệu đầu vào trong sản xuất. Tại khu vực phía bắc, có 17 khách hàng ký mới hợp đồng cung cấp khí thấp áp và 07 khách hàng ký kết hợp đồng cung cấp CNG.

Bên cạnh đó, PV GAS D cũng tăng cường dịch vụ chăm sóc khách hàng, cụ thể: đảm bảo nguồn khí cung cấp liên tục, đúng và đủ; bảo trì sửa chữa thiết bị đảm bảo an toàn và chính xác trong quá trình vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt an toàn phòng chống cháy nổ để tạo uy tín và niềm tin đối với khách hàng.

Công tác an toàn sức khỏe, môi trường và BHLĐ:

Công tác an toàn sức khỏe, môi trường được chú trọng và triển khai tích cực, không có tai nạn lao động xảy ra gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản hay uy tín của Công ty.

Công tác đảm bảo quy định về Bảo hộ lao động cũng được nghiêm túc hoàn thành đến 95,65% khối lượng công việc, với tổng chi phí khoảng 7,9 tỷ đồng đạt 84,95% kế hoạch đề ra.

Công tác bảo dưỡng sửa chữa, kiểm định hiệu chuẩn:

Công tác bảo dưỡng sửa chữa, kiểm định hiệu chuẩn được thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra. Trong năm 2015, Công ty thực hiện 1.342 đầu việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đạt 100% kế hoạch, thực hiện 464 đầu việc sửa chữa đột xuất và 18 đầu việc kiểm định hiệu chuẩn, đạt 100% kế hoạch.

Công tác đầu tư xây dựng:

Tiến độ các dự án được thực hiện đúng kế hoạch. Cụ thể là hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiền Hải - Thái Bình đã chính thức hoạt động. Hệ thống đường ống cung cấp khí cho khách hàng tại KCN Nhơn Trạch III thuộc hệ thống phân phối khí thấp áp của dự án KCN Nhơn Trạch III - Giai đoạn 2 cũng đã được hoàn thành.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

CHỈ TIÊU	NĂM 2014	TỶ TRỌNG	NĂM 2015	TỶ TRỌNG	TH 2015/TH 2014
Tài sản ngắn hạn	3.063.306.579.839	88,54%	1.834.614.629.054	67,38%	59,89%
Tài sản dài hạn	396.476.005.969	11,46%	888.106.402.914	32,62%	224,00%
Tổng tài sản	3.459.782.585.808	100,00%	2.722.721.031.968	100,00%	78,70%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

CHỈ TIÊU	NĂM 2014	TỶ TRỌNG	NĂM 2015	TỶ TRỌNG	TH 2015/TH 2014
Nợ ngắn hạn	2.272.875.391.316	98,94%	1.241.719.613.167	85,47%	54,63%
Nợ dài hạn	26.421.596.910	1,06%	211.078.439.991	14,53%	864,31%
Nợ phải trả	2.297.296.988.226	100%	1.452.798.053.158	100%	63,24%

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH/2015	KH 2016	KH 2016/TH/2015
1	Sản lượng	Triệu Sm ³	653,38	698,72	106,94%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	4.935,18	5.154,75	104,45%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	308,27	136,95	44,43%
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	88,87	89,80	101,05%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	238,24	109,56	45,99%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	26,47%	12,20%	46,09%
7	Giá trị giải ngân ĐT & XDCB	Tỷ đồng	394,90	473,80	119,98%

Căn cứ hoàn thành kế hoạch, tiếp tục hoàn thiện tổ chức, rà soát sắp xếp nhân sự theo hướng gọn nhẹ và hiệu quả, đặc biệt phân cấp mạnh hơn cho các đơn vị để công tác kinh doanh được triển khai chủ động hơn.

VỀ SẢN XUẤT

- Hệ thống phân phối khí cần được vận hành đúng quy trình nhằm đảm bảo cung cấp khí kịp thời và liên tục cho khách hàng.
- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ được thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo quy trình kỹ thuật. Trường hợp có phát sinh đột xuất, công tác sửa chữa phải được thực hiện nhanh chóng, kịp thời.

VỀ KINH DOANH

- Hỗ trợ khách hàng kịp thời, hiệu quả nhằm đảm bảo lượng khí được cung cấp theo yêu cầu của khách hàng. Đây cũng là một trong những yếu tố góp phần làm gia tăng nhu cầu sử dụng của đối tác.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, phân tích, đánh giá nhu cầu khách hàng, thực hiện chính sách giá bán khí linh hoạt khuyến khích khách hàng gia tăng sử dụng khí, mở rộng thị trường kinh doanh của công ty.
- Phối hợp với PV GAS để đảm bảo nguồn cung cấp khí cho khách hàng.

VỀ AN TOÀN

- Duy trì và củng cố hệ thống tích hợp An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001, thực hiện tốt chương trình 5S.
- Tăng cường công tác tuần tra an ninh, an toàn hành lang tuyến ống dẫn khí và tuyên truyền công tác an toàn cho người dân sống dọc theo hành lang an toàn tuyến ống dẫn khí.

VỀ ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ CBCNV thực thi chức năng liên quan đến quy trình đầu tư, xây dựng.
- Theo dõi, giám sát chặt chẽ, đôn đốc việc thực hiện các hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản.

VỀ TÀI CHÍNH

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, tích cực thu hồi công nợ khách hàng, không để tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi phát sinh.
- Chủ động, tích cực thu xếp vốn cho các dự án.

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NHIN LẠI TOÀN THỂ NỀN
KINH TẾ 2015. CÓ THỂ
THẤY NỔI BẬT NHẤT
VÀ CÓ TÁC ĐỘNG TRỰC
TIẾP ĐẾN KẾT QUẢ KINH
DOANH CỦA CÔNG TY LÀ
TÌNH TRẠNG GIÁ XĂNG
DẦU GIẢM MẠNH VÀ
LIÊN TỤC. ĐÒI HỎI CÔNG
TY PHẢI THỰC HIỆN ĐIỀU
CHỈNH GIÁM GIÁ BÁN
KHÍ CHO PHÙ HỢP

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Nhìn lại toàn thể nền kinh tế 2015, có thể thấy nổi bật nhất và có tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty là tình trạng giá xăng dầu giảm mạnh và liên tục, đòi hỏi Công ty phải thực hiện điều chỉnh giảm giá bán khí cho phù hợp.

Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty là hết sức đáng ghi nhận khi:

- Sản lượng khí khai thác tăng hơn 12% so với kế hoạch đã được đề ra.
- Doanh thu năm 2015 đạt hơn 4,9 nghìn tỷ đồng, đây là doanh thu thấp nhất từ năm 2012 trở lại đây. Tuy nhiên, sau khi Công ty thực hiện điều chỉnh kế hoạch kinh doanh theo mức giá đầu thực tế thay cho mức 100USD/thùng cố định trước đó, thì doanh thu năm 2015 vẫn hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận Công ty đạt trên 230 tỷ tăng hơn 40% so với cùng kỳ.

Công tác nghiên cứu, phát triển thị trường cũng được công ty đặc biệt là bộ phận chuyên trách thực hiện tốt. Số lượng khách hàng mới ký hợp đồng sử dụng khí gia tăng giúp giữ vững doanh thu Công ty.

Công tác chăm sóc, tạo dựng mối quan hệ với khách hàng cũng được chú trọng đúng mực, giúp sản lượng tiêu thụ khí tăng cao, năm sau cao hơn năm trước

VỀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Các dự án được giao trong năm đã được công ty hoàn thành đúng tiến độ. Dự án Tiền Hải - Thái Bình và hệ thống phân phối khí cho Khu công nghiệp Nhơn Trạch III đi vào hoạt động đã giúp gia tăng năng lực, mở rộng mạng lưới phân phối khí của Công ty, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC - NHÂN SỰ

Bộ máy lãnh đạo, điều hành công ty trong năm có một số thay đổi nhằm đảm bảo công tác quản lý, điều hành của Công ty được duy trì ổn định và liên tục, cán bộ được phát huy đúng năng lực của mình.

CBCNV Công ty được đảm bảo về chế độ làm việc, lương thưởng, thù lao. Công tác chăm lo đời sống cho người lao động cũng được Ban lãnh đạo quan tâm đúng mực.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc thông qua các quyết định giao nhiệm vụ cụ thể và thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo quy chế của Công ty. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đã thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất để theo dõi, nắm bắt nội dung công việc, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trực tiếp có ý kiến chỉ đạo tại các cuộc họp hoặc phối hợp cùng Ban Giám đốc xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thông qua Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, HĐQT và Giám đốc, HĐQT đã thường xuyên kiểm tra công tác điều hành của Ban Giám đốc. Phân công các thành viên HĐQT theo dõi, chỉ đạo sát sao, giám sát và hỗ trợ việc thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Kết quả năm 2015 Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện

tốt các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để đạt được hiệu quả kinh tế, PV GAS D cần thực hiện đầy đủ và xuyên suốt các mục tiêu sau:

Duy trì vị thế độc quyền cung cấp khí của Công ty, tận dụng ưu thế mở rộng thị trường cung cấp.

Để đảm bảo được nguồn cung cho thị trường ngày càng mở rộng:

- PV GAS D cần phối hợp chặt chẽ với PV GAS, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản lượng khí đã đề ra.
- Không ngừng cải cách và hoàn thiện hệ thống phân phối, công tác bảo dưỡng, các hệ thống hiện có cần được thực hiện chặt chẽ.

Theo sát thị trường đầu khí trong nước, công như quốc tế nhằm có biện pháp ứng phó kịp thời trong bối cảnh tình hình thị trường có nhiều diễn biến phức tạp.

Nhân sự các cấp cần đạt được sự ổn định, nhân sự có kinh nghiệm được bố trí công việc đúng năng lực chuyên môn nhằm phát huy tối đa hiệu suất lao động của cán bộ Công ty.

Song song với hiệu quả kinh doanh, vấn đề phát triển bền vững sẽ là mục tiêu chung đặt ra cho mỗi cá nhân trong tập thể PV GAS D.

Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm định hướng và đề ra các mục tiêu cụ thể về kế hoạch sử dụng năng lượng, nguyên liệu sao cho phù hợp với chính sách chung của toàn ngành và tình hình thực tế tại Công ty.

Từng cá nhân khác trong Công ty cũng có ý thức trách nhiệm về việc sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng, tài nguyên thiên nhiên.

Gắn liền lợi ích của Công ty và các bên liên quan với trách nhiệm đối với cộng đồng và toàn xã hội.



Actions

AN TOÀN - HIỆU QUẢ

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hội đồng Quản trị	58
Ban Kiểm soát	62
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám Đốc	64

4 QUẢN TRỊ CÔNG TY



“

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NẮM VỮNG THÔNG TIN NHẪM ỨNG PHÓ VỚI NHỮNG BIẾN ĐỘNG BẤT THƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN DOANH NGHIỆP VÀ HẠN CHẾ TỐI ĐA NHỮNG TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TỚI CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY, ĐỒNG THỜI ĐIỀU CHỈNH THÍCH ỨNG XU THẾ MỚI, DUY TRÌ ỔN ĐỊNH CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY VƯỢT QUA NHỮNG KHÓ KHĂN THÁCH THỨC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HĐQT

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Trần Trung Chính	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCD/2015 ngày 22/04/2015
2	Ông Trần Thanh Nam	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Quyết định số 09/QĐ-HĐQT ngày 15/4/2015
3	Ông Phạm Văn Huệ	Thành viên HĐQT	
4	Ông Lê Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	
5	Ông Nguyễn Như Song	Thành viên HĐQT độc lập	

TÓM TẮT LÝ LỊCH HĐQT

Xem tại Phụ lục II đính kèm

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành Công ty nắm vững thông tin nhằm ứng phó với những biến động bất thường tác động đến doanh nghiệp và hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động Công ty, đồng thời điều chỉnh thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động Công ty vượt qua những khó khăn thách thức.

Bên cạnh đó, HĐQT còn tập trung thảo luận, bàn bạc, phối hợp cùng Ban điều hành xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo tình hình tài chính, điều chỉnh sách lược hợp lý trong từng thời điểm nhằm đưa ra những phương án Kinh doanh hiệu quả nhất.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 36 buổi họp và ban hành 49 Nghị quyết, Quyết định trong năm 2015 để thực hiện:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Ban giám đốc. Hội đồng Quản trị có ý kiến chỉ đạo trực tiếp Giám đốc nhằm đảm bảo việc thực thi đúng và đầy đủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015.
- Ban hành Quy chế quản lý công tác đào tạo, Quy chế dân chủ... các Quyết định bổ nhiệm, thành lập chỉ nhánh để phục vụ công tác Quản trị được hệ thống và chặt chẽ.
- Chỉ đạo toàn diện đưa các hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS D ổn định phát triển vươn lên tầm cao mới.

4 QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	04/NQ-HĐQT/2015	30/01/2015	Về việc Thành lập Chi nhánh của Công ty - Xi nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc.
2	08/NQ-HĐQT/2015	26/03/2015	Thông qua Báo cáo thường niên 2014 của Công ty Cổ phần Phân phối Khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam.
3	11/NQ-HĐQT/2015	15/4/2015	Về việc miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, Bổ nhiệm Thành viên HĐQT Công ty.
4	12/NQ-HĐQT/2015	15/4/2015	Về việc Bầu Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm Giám đốc Công ty; xếp lương cho chức danh Chủ tịch HĐQT, Bổ sung nội dung Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.
5	01/NQ-ĐHĐCĐ/2015	22/4/2015	Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
6	14/NQ-HĐQT/2015	22/5/2015	Thông qua nội dung chi cổ tức lần 2 năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 10% vốn điều lệ tương đương với số tiền 60 tỷ đồng. Thông qua nội dung chi thường cho các cá nhân trong Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty năm 2014.
7	19/NQ-HĐQT/2015	01/10/2015	V/v bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty.
8	20/NQ-HĐQT/2015	14/10/2015	Tạm ứng cổ tức lần 1/2015 bằng tiền mặt.
9	21/NQ-HĐQT/2015	26/10/2015	V/v lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty.
10	23/NQ-HĐQT/2015	10/11/2015	Thông qua Nội dung tờ trình xin ý kiến bằng văn bản về phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu.
11	26/NQ-HĐQT/2015	10/11/2015	Về việc Thông qua Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.
12	02/NQ-ĐHĐCĐ/2015	30/11/2015	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (Thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).
13	28/NQ-HĐQT/2015	31/12/2015	Về việc Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch năm 2015 của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

HĐQT Công ty có 01 thành viên độc lập là Ông Nguyễn Như Song. Trong năm 2015, Ông Nguyễn Như Song tham gia đầy đủ đồng thời đóng góp những ý kiến tích cực vào các buổi họp của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Ông Trần Trung Chính, Ông Trần Thanh Nam, Ông Phạm Văn Huệ, Ông Lê Quyết Thắng, Ông Nguyễn Như Song.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC LUÔN TẠO ĐIỀU
KIỆN THUẬN LỢI ĐỂ BAN KIỂM SOÁT HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ
MÀ CỔ ĐÔNG ĐÃ GIAO PHÓ



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Bà Phạm Thị Thu Hà	Trưởng Ban	Bổ nhiệm từ 30/12/2014 theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 19/1/2015
2	Bà Đặng Thị Hồng Yến	Thành viên	
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2015, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty. Các thành viên đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và cũng thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.

Các hoạt động chính của Ban Kiểm soát trong năm 2015 bao gồm:

- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác trong Công ty;
- Giám sát công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Công ty;
- Tiến hành kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2015.

Thực hiện một số công việc khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ và pháp luật.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Lần 1: Thực hiện công tác soát xét 6 tháng đầu năm 2015.

Lần 2: Thực hiện công tác soát xét cả năm 2015.

Về sự phối hợp hoạt động giữa các ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

- Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông đã giao phó. Trong năm 2015, theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát đã cùng tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị để giám sát và có ý kiến trực tiếp tới các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát kết hợp với đoàn kiểm tra của Công ty đã đi kiểm tra giám sát tình hình thực tế tại hai xí nghiệp :

- Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch;
- Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty.
- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của xí nghiệp.
- Kiểm tra chi phí để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra giám sát việc quản lý, sử dụng vốn.
- Kiểm tra công tác quản lý công nợ.
- Kiểm tra công tác kỹ thuật, vận hành, an toàn và môi trường trong sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra công tác lao động tiền lương, tổ chức nhân sự, hành chính, văn thư lưu trữ.
- Xem xét Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

4 QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THUỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 01/NQ-

ĐHĐCĐ/2015 ngày 22/04/2015 đã thông qua Tổng số tiền lương và thù lao điều chỉnh kế hoạch năm 2015 của HĐQT, BKS và Giám đốc Công ty năm 2015 là: 3.804.000.000 đồng.

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao, khen thưởng cho các đối tượng nêu trên với mức bình quân như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THỰC HIỆN 2015			GHI CHÚ
			LŨNG SỐ TIỀN	LƯƠNG, THUỞNG TỰ QUY ĐỊNH	TIỀN THÙ LAO	
1	Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	408.296.137	408.296.137		Chuyên trách Miễn nhiệm: NQ 11/HĐQT-ngày 15/4/2015
2	Trần Trung Chính	Chủ tịch HĐQT	691.404.727	691.404.727		Chuyên trách Bổ nhiệm: NQ 12/HĐQT-ngày 15/4/2015
3	Phạm Văn Huệ	TV. HĐQT	877.341.090	877.341.090		Chuyên trách
4	Lê Quyết Thắng	TV. HĐQT	675.213.297	675.213.297		Chuyên trách
5	Nguyễn Như Song	TV. HĐQT	36.000.000		36.000.000	Kiểm nhiệm
6	Phạm Thị Thu Hà	Trưởng BKS	639.227.134	639.227.134		Chuyên trách Bổ nhiệm: QĐ 1/HĐQT-ngày 19/1/2015
7	Đặng Thị Hồng Yến	TV. BKS	18.000.000		18.000.000	Kiểm nhiệm
8	Nguyễn Thị Thu Hà	CV phòng Dự án kiểm TV, BKS	261.418.454	261.418.454		Kiểm nhiệm
9	Trần Thanh Nam	TV. HĐQT kiêm Giám đốc	922.215.418	922.215.418		Chuyên trách Bổ nhiệm: NQ 12/HĐQT-ngày 15/4/2015
10	Đinh Ngọc Huy	Phó Giám đốc	749.074.400	749.074.400		Chuyên trách
11	Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc	749.074.400	749.074.400		Chuyên trách
12	Đỗ Phạm Hồng Minh	Phó Giám đốc	156.097.200	156.097.200		Chuyên trách Bổ nhiệm: QĐ 15/HĐQT-ngày 1/10/2015
13	Trương Mạnh Thắng	Phó Giám đốc	126.364.400	126.364.400		Chuyên trách Bổ nhiệm: QĐ 14/HĐQT-ngày 1/10/2015

Chức danh chuyên trách hoặc kiểm nhiệm hưởng lương tại PV GAS D thì không hưởng thù lao. Ngoài ra hàng năm có trích lập quỹ khen thưởng Ban Điều hành.

Các thành viên chuyên trách trong Ban điều hành được hưởng các quyền lợi về chế độ thưởng các dịp Lễ, Tết, tháng lương thứ 13, khen thưởng ... như các CBCNV trong Công ty



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐỒNG NỘI BỘ

Trong năm 2015, các cổ đông nội bộ có giao dịch cổ phiếu PGD, cụ thể như sau:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỐ HỮU ĐẦU KÝ		SỐ CỔ PHIẾU SỐ HỮU CUỐI KÝ		LÝ DO TĂNG, GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Phạm Văn Huệ	TV. HĐQT	36.406	0,060%	9	-	Bán chi tiêu cá nhân
2	Nguyễn Chi Giang	Người liên quan	66.832	0,111%	-	-	Bán chi tiêu cá nhân
3	Nguyễn Thị Thu Hà	TV. BKS	7.470	0,012%	-	-	Bán chi tiêu cá nhân
4	Trần Thị Thu Hiền	Người CBTT	7.565	0,013%	757	0,0008%	Bán chi tiêu cá nhân
5	Nguyễn Quang Huy	PGĐ Công ty	26.412	0,044%	618	0,0007%	Bán chi tiêu cá nhân
6	Phạm Thị Thu Hà	Trưởng BKS	16.000	0,027%	496	0,006%	Bán chi tiêu cá nhân
7	Nguyễn Phương Thủy	KTT	31.895	0,053%	7.507	0,008%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt công tác Quản trị công ty theo quy định quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.



Success

ỨC MẠNH THÀNH CÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Giám đốc	68
Báo cáo Kiểm toán độc lập	70
Bảng cân đối kế toán	72
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	74
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	75
Thuyết minh báo cáo tài chính	76



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Ông Trần Trung Chính	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Trần Thanh Nam	Thành viên
Ông Phạm Văn Huệ	Thành viên
Ông Nguyễn Như Song	Thành viên
Ông Lê Quyết Thắng	Thành viên
BAN GIÁM ĐỐC	
Ông Trần Thanh Nam	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Giám đốc
Ông Trương Mạnh Thắng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2015)
Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Thanh Nam
Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

Số: 345/VN1A-HN-BC

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 02 năm 2016, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc: cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chi chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo chính xác việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc công ty và đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 29 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
số 2737-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.834.614.629.054	3.063.306.579.839
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.284.126.180.794	1.963.089.393.092
1 Tiền	111		414.126.180.794	583.089.393.092
2 Các khoản tương đương tiền	112		870.000.000.000	1.380.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		481.498.548.697	1.035.677.587.201
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	479.453.919.472	983.126.075.572
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	12.373.548.933	50.448.852.814
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.962.428.450	3.158.937.147
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	[14.291.348.158]	[1.056.278.332]
III. Hàng tồn kho	140	10	19.289.804.120	16.383.710.632
1 Hàng tồn kho	141		19.289.804.120	16.383.710.632
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.700.095.443	48.155.888.914
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.194.358.127	2.492.223.245
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.505.737.316	45.663.665.669
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		888.106.402.914	396.476.005.969
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.857.077.035	3.831.477.035
1 Phải thu dài hạn khác	216	8	4.857.077.035	3.831.477.035
II. Tài sản cố định	220		799.756.344.114	349.938.277.995
1 Tài sản cố định hữu hình	221	12	753.727.897.814	303.265.035.270
- Nguyên giá	222		1.044.742.341.517	471.612.156.274
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		[291.014.443.703]	[168.347.121.004]
2 Tài sản cố định vô hình	227	13	46.028.446.300	46.673.242.725
- Nguyên giá	228		49.075.485.186	49.006.000.186
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		[3.047.038.886]	[2.332.757.461]
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	12.886.249.657	14.841.792.888
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.886.249.657	14.841.792.888
IV. Tài sản dài hạn khác	260		70.606.732.108	27.864.458.051
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	11	70.606.732.108	27.864.458.051
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.722.721.031.968	3.459.782.585.808

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.482.798.053.158	2.297.296.988.226
I. Nợ ngắn hạn	310		1.261.719.613.167	2.272.875.391.316
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	949.797.903.052	2.105.923.955.114
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	46.019.420.409	101.493.683.236
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	15.719.176.624	5.849.314.832
4 Phải trả người lao động	314		5.408.522.345	4.569.125.494
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	169.984.105.092	5.059.644.789
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	19	40.829.331.767	47.144.998.200
7 Vay ngắn hạn	320	20	12.445.122.872	-
8 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		461.916.000	380.268.000
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.054.115.006	2.454.401.651
II. Nợ dài hạn	330		211.078.439.991	24.421.596.910
1 Phải trả dài hạn khác	337	19	-	20.000.000
2 Vay dài hạn	338	21	186.676.843.081	-
3 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		24.401.596.910	24.401.596.910
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.269.922.978.810	1.162.485.597.582
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.269.922.978.810	1.162.485.597.582
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		899.990.250.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		899.990.250.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		153.050.000	153.050.000
3 Cổ phiếu quỹ	415		(9.550.000)	(9.550.000)
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		178.262.403.86	478.252.653.866
5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		12.450.000.000	12.450.000.000
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		179.076.824.94	71.639.443.716
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		11.340.398.716	6.143.770.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		167.736.426.228	65.495.673.078
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.722.721.031.968	3.459.782.585.808

Thái Duy Phong
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Phương Thủy
Kế toán trưởng

Trần Thanh Nam
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

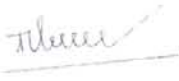
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	4.935.182.026.843	6.964.610.577.045
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ (10=01-02)	10		4.935.182.026.843	6.964.610.577.045
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	4.202.580.131.513	6.476.625.589.209
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=1-(4-11))	20		732.601.895.330	487.984.987.836
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	17.278.273.094	21.260.000.596
7. Chi phí tài chính	22		4.631.201.384	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.631.201.384	-
8. Chi phí bán hàng	25	28	339.095.489.465	218.557.072.995
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	94.694.614.029	76.283.718.373
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=2-(7-8-9))	30		311.458.863.546	214.404.197.065
11. Thuế nhập khẩu	31		61.773.150	354.350.743
12. Chi phí khác	32		3.251.382.468	949.145.348
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.189.609.318)	(594.794.605)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		308.269.254.228	213.809.402.460
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	70.033.783.000	48.315.161.882
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=5(-)51)	60		238.235.471.228	165.494.240.578
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.527	1.724


Thái Duy Phong
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 02 năm 2016


Nguyễn Phương Thủy
Kế toán trưởng


Trần Thanh Nam
Giám đốc


Thái Duy Phong
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 02 năm 2016


Nguyễn Phương Thủy
Kế toán trưởng


Trần Thanh Nam
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	308.269.254.228	213.809.402.460
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	123.437.934.235	49.498.411.854
Các khoản dự phòng	03	13.235.069.826	546.278.332
[Lãi] từ hoạt động đầu tư	05	(17.278.273.094)	(21.260.000.596)
Chi phí lãi vay	06	4.631.201.384	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	432.295.186.579	242.594.092.050
Giảm các khoản phải thu	09	504.646.737.222	136.846.045.612
[Tăng] hàng tồn kho	10	(2.906.093.488)	(5.229.748.634)
[Giảm]/tăng các khoản phải trả [Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp]	11	(1.173.571.637.246)	734.788.205.383
[Tăng] chi phí trả trước	12	(9.854.923.841)	(16.665.920.272)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.147.453.617)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(60.833.821.912)	(45.216.351.944)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.080.042.869)	(8.759.776.859)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(326.452.049.172)	1.038.356.545.336
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(403.960.201.061)	(52.827.625.454)
2. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.775.161.982	21.476.445.042
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(386.185.039.079)	(31.351.180.412)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (*)	31	-	116.276.840.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	199.121.965.953	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(165.448.090.000)	(87.448.567.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	33.673.875.953	28.828.272.500
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(678.963.212.298)	1.035.833.637.424
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.963.089.393.092	927.255.755.668
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.284.126.180.794	1.963.089.393.092

(*) Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm khoản tăng vốn chủ sở hữu thông qua phát hành cổ phiếu từ Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các tài liệu minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006815 ngày 23 tháng 1 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 899.990.250.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGD.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần nắm giữ 50,5% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 243 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 191).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống; mua bán khí công nghiệp (không mua bán gas tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí; tư vấn chuyển giao công nghệ; xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí; mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, kinh doanh LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán gas tại trụ sở Công ty); cung cấp dịch vụ hoàn cải phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, xi ma điện, tái chế phế thải tại trụ sở Công ty; không thiết kế phương tiện vận tải); mua bán, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chuyển đổi sử dụng khí cho phương tiện giao thông vận tải và máy móc - thiết bị ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khai thác khoáng sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 01 năm 2015, Công ty đã công bố Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/NQ-HĐQT/2015 và Quyết định số 03/CĐ-HĐQT/2015 về việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xi nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc, là đơn vị trực thuộc Công ty, hạch toán phụ thuộc theo phân cấp tại quy chế tài chính được giao.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc của Công ty gồm có Văn phòng và 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc, bao gồm:

- Xi nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xi nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xi nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại/trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thí yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, các khoản phải thu ngắn hạn khác và phải thu dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn, dự phòng phải trả ngắn hạn và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp

đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị (*)	3 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6
Tài sản khác	3

(*) Máy móc và thiết bị bao gồm các hệ thống phân phối khí thấp áp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	Số năm	Số năm
Các hệ thống phân phối khí thấp áp	05	10

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định lựa chọn phương pháp khấu hao nhanh đối với các hệ thống phân phối khí thấp áp, theo đó thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản này được thay đổi từ 10 năm xuống 05 năm, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng phương pháp khấu hao nhanh sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty, đồng thời giúp thu hồi vốn nhanh, nhanh chóng đổi mới công nghệ và đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu thời gian hữu ích trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm sẽ giảm với số tiền là 50.897.292.545 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ tăng với số tiền tương ứng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao trên cơ sở thời gian thực tế được cấp, quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các tài liệu minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

Chi phí này dùng cơ bản đó đang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo văn phòng và các chi phí trả trước ngắn hạn khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời của tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trong yếu tố giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.135.201.159	388.714.201
Tiền gửi ngân hàng	412.990.979.635	582.700.678.891
Các khoản tương đương tiền (*)	870.000.000.000	1.380.000.000.000
	1.284.126.180.794	1.963.089.393.092

(*) Số dư các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng Việt Nam đồng có kỳ hạn từ 1 tuần đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất dao động từ 1% đến 4,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	74.001.409.244	314.662.384.751
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	66.051.503.659	97.622.288.374
Các khách hàng khác	339.401.006.569	570.841.402.447
	479.453.919.472	983.126.075.572
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)	148.031.508.364	412.284.673.125

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam	5.359.781.329	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu Khí 2 (l)	4.811.281.851	4.811.281.851
Công ty TNHH Thương Mại Kỹ Thuật Tri Việt	2.114.070.453	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	-	12.459.260.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu Khí biển PTSC	-	32.294.267.699
Các nhà cung cấp khác	88.415.300	884.043.264
	12.373.568.933	50.448.852.814
Trả trước cho các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)	10.193.302.980	49.587.049.350

(l) Ngày 17 tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2011/PVGASD-PVC2/QLDA với Liên danh tổng thầu (l) PC) đại diện là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 về việc "Thiết kế - mua sắm vật tư thiết bị và thi công xây lắp công trình Tru số các Công ty PVGAS D và PVGAS S tại Vũng Tàu", giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (tạm tính là 68.861.021.747 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, hai bên vẫn đang chờ quyết toán cho từng hạng mục chi tiết nên vẫn còn số dư Công ty tạm ứng cho EPC (đại diện là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.369.634.083	1.508.969.046
Phải thu Công ty Cổ phần CNG Việt Nam về 50% chi phí chung tòa nhà Gas Tower	935.631.501	35.100.000
Phải thu Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	649.043.500	649.043.500
Phải thu thuế lãi dự thu	436.111.111	932.999.999
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhân viên	192.932.151	16.824.602
Tạm ứng	70.000.000	10.000.000
Các khoản phải thu khác	309.076.104	6.000.000
	3.962.428.450	3.158.937.147
b. Phải thu dài hạn khác		
Kỳ cược, kỳ quỹ	4.857.077.035	3.831.477.035
	4.857.077.035	3.831.477.035

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có một số khoản nợ xấu như sau:

9. NỢ XẤU

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.369.634.083	74.677.473	Trên 3 năm	1.508.969.046	452.690.714	Trên 2 năm
Công ty TNHH Gốm sứ Mỹ Xuân	11.296.297.196	5.648.148.596	Từ 1 năm đến 2 năm	-	-	-
Công ty TNHH Gạch men Mỹ Đức	18.109.391.538	10.761.148.590	Từ 1 năm đến 2 năm	-	-	-
	30.775.322.817	16.483.974.659		1.508.969.046	452.690.714	

(*) Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng nợ gốc trừ đi số dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trích lập tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chỉ yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.076.158.703	-	3.058.763.370	-
Công cụ, dụng cụ	15.715.343.110	-	12.860.887.076	-
Hàng hoá	498.302.307	-	464.060.186	-
Cộng	19.289.804.120	-	16.383.710.632	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Chi phí biến quảng cáo	277.675.200		1.031.242.700	
Chi phí bảo hiểm tài sản	550.182.630		319.552.310	
Chi phí bảo hiểm không bắt buộc cho người lao động	1.825.250.902		1.057.083.134	
Công cụ, dụng cụ phân bổ ngắn hạn	413.299.395		-	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	127.950.000		84.345.101	
	3.194.358.127		2.492.223.245	
Dài hạn				
Chi phí thuê mặt bằng tại các Khu công nghiệp	45.144.836.160		11.892.740.370	
Chi phí biến quảng cáo	12.111.729.168		3.850.000.001	
Công cụ, dụng cụ phân bổ dài hạn	956.292.547		5.992.535.861	
Chi phí cải tạo văn phòng	4.245.281.909		2.490.417.000	
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.148.592.324		3.638.764.819	
	70.606.732.108		27.864.458.051	

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	39.042.119.256	426.471.909.013	1.669.857.845	4.428.270.160	-	471.612.156.274
Mua sắm mới	-	1.242.700.000	267.561.000	1.577.531.273	76.750.000	3.164.542.273
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	106.497.380.408	459.918.262.562	2.675.000.000	875.000.000	-	569.965.642.970
Tại ngày 31/12/2015	145.539.499.664	887.632.871.575	4.612.418.845	6.880.801.433	76.750.000	1.044.742.341.517
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	4.660.141.836	159.816.780.691	1.140.490.434	2.729.708.043	-	168.347.121.004
Trích khấu hao trong năm	9.156.551.445	112.096.985.565	632.699.676	779.573.020	1.512.993	122.667.322.699
Tại ngày 31/12/2015	13.816.693.281	271.913.766.256	1.773.190.110	3.509.281.063	1.512.993	291.014.443.703
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	131.722.806.383	615.719.105.319	2.839.228.735	3.371.520.370	75.237.007	753.727.897.814
Tại ngày 31/12/2014	34.381.977.420	266.655.128.322	529.367.411	1.698.562.117	-	303.265.035.270

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8.029.259.207 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.497.830.212 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định lựa chọn phương pháp khấu hao nhanh đối với các hệ thống phân phối khí thấp áp, theo đó thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản này được thay đổi từ 10 năm xuống 05 năm. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng phương pháp khấu hao nhanh sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty, đồng thời giúp thu hồi vốn nhanh, nhanh chóng đổi mới công nghệ và đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu thời gian hữu ích trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm sẽ giảm với số tiền là 50.897.292.545 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ tăng với số tiền tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thi yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	45.545.065.586	3.392.134.600	68.800.000	49.006.000.186
Tăng trong năm	-	69.485.000	-	69.485.000
Tại ngày 31/12/2015	45.545.065.586	3.461.619.600	68.800.000	49.075.485.186
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	-	2.263.957.461	68.800.000	2.332.757.461
Trích khấu hao trong năm	-	714.281.425	-	714.281.425
Tại ngày 31/12/2015	-	2.978.238.886	68.800.000	3.047.038.886
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	45.545.065.586	483.380.714	-	46.028.446.300
Tại ngày 31/12/2014	45.545.065.586	1.128.177.139	-	46.673.242.725

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 341.649.600 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 341.649.600 đồng).

14. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	12.886.249.657	14.841.792.888
Trong đó:		
- Dự án "Hệ thống tuyến ống cung cấp khí cho khách hàng Khu công nghiệp Nhơn Trạch"	12.490.926.821	-
- Dự án "Công trình Hệ thống Phân phối khí Thấp áp cho Khu công nghiệp Tiên Hải Thái Bình"	-	14.446.470.052
- Dự án "Hệ thống Phân phối khí Thấp áp cho Khu công nghiệp Hiệp phước - Giai đoạn 1"	267.827.063	267.827.063
- Dự án "Hệ thống cung cấp khí cho Khu công nghiệp Phú Mỹ 3"	127.495.773	127.495.773
	12.886.249.657	14.841.792.888

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	897.471.752.643	2.096.807.619.293
Các đối tượng khác	52.326.150.409	9.116.335.821
	949.797.903.052	2.105.923.955.114
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)	932.258.877.051	2.098.923.979.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thí yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	20.183.656.092	30.630.763.978
Công ty TNHH Posco Việt Nam	10.461.915.205	13.805.987.518
Công ty Cổ phần China Steel Sumikin Việt Nam	4.273.740.078	34.314.382.167
Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	3.589.487.842	9.005.039.425
Các khách hàng khác	7.510.621.192	13.737.510.148
	46.019.420.409	101.493.683.236

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	31/12/2014	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	11.101.327.206	10.618.480.576	482.846.630
Thuế GTGT đầu ra	-	11.101.327.206	10.618.480.576	482.846.630
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	181.686.331	86.207.076	95.479.255
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.144.972.225	70.033.783.000	60.833.821.912	14.344.933.313
Các loại thuế khác	704.342.607	6.390.371.695	6.298.796.876	795.917.426
Thuế thu nhập cá nhân	704.342.607	6.200.156.213	6.108.581.394	795.917.426
Thuế khác	-	190.215.482	190.215.482	-
Cộng	5.849.314.832	87.707.168.232	77.837.306.440	15.719.176.624

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Phải trả công trình Hệ thống phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Tiền Hải Thái Bình	161.604.042.303	-
- Liên danh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	104.460.786.191	-
- Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Tri Việt	24.495.592.970	-
Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Gas Phúc Sang Minh - Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống LPG	17.550.321.755	-
- Khác	15.097.341.387	-
Phải trả Hợp đồng bảo hiểm con người mức trách nhiệm cao PVI Care cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	1.759.533.388	956.963.450
Chi phí phải trả khác	6.620.529.401	4.102.681.339
	169.984.105.092	5.059.644.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thi yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả tiền khí cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	38.466.303.265	-
Tài sản thừa chờ giải quyết	299.265.167	464.060.186
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	322.870.130	354.762.739
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	726.374.500	46.176.374.500
Phải trả ngắn hạn khác	1.014.518.705	149.800.775
	40.829.331.767	47.144.998.200
Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	20.000.000
	-	20.000.000

20. VAY NGẮN HẠN

Chi tiêu	01/01/2015		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay dài hạn tới hạn trả	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	-	-	12.445.122.872	-	12.445.122.872	12.445.122.872
Cộng	-	-	12.445.122.872	-	12.445.122.872	12.445.122.872

21. VAY DÀI HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	-	-	199.121.965.953	-	199.121.965.953	199.121.965.953
Cộng	-	-	199.121.965.953	-	199.121.965.953	199.121.965.953
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng						12.445.122.872
Số phải trả sau 12 tháng						186.676.843.081

Trong năm, Công ty đã ký Hợp đồng vay dài hạn số 0153/KH/15DH tài trợ cho Dự án "Hệ thống phân phối khí cấp áp cho Khu công nghiệp Tiên Hải - Thái Bình" với hạn mức 38.370.131 Đô la Mỹ tương đương 839,9 tỷ đồng (quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 21.890 đồng/Đô la Mỹ). Khoản vay này được đảm bảo bằng hình thức tín chấp, đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (ngân hàng đầu mối) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á. Thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, kỳ hạn trả nợ là 6 tháng/kỳ hạn trong vòng 96 tháng kể từ ngày kết thúc ân hạn. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định bằng lãi suất tiết kiệm VND cá nhân 12 tháng loại trả lãi sau do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng công bố tại ngày làm việc liền kề trước ngày giải ngân đầu tiên (hoặc) ngày đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+) 2,5%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng. Giá trị từng khoản giải ngân bằng VND được quy đổi thành USD theo tỷ giá USD/VND bán ra theo công bố của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng tại thời điểm giải ngân. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 199.121.965.953 đồng.

KHOẢN VAY DÀI HẠN ĐƯỢC HOÀN TRẢ THEO LỊCH BIỂU SAU:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.445.122.872	-
Trong năm thứ hai	24.890.245.744	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	74.670.737.232	-
Sau năm năm	87.115.860.105	-
	199.121.965.953	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	12.445.122.872	-
Số phải trả sau 12 tháng	186.676.843.081	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thí yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đ li chiểu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn gop của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ại ngày 01/01/2014	429.000.000.000	-	-	442.919.313.866	12.450.000.000	119.543.770.638	1.023.913.084.504
Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều li	116.133.340.000	153.050.000	-	-	-	-	116.286.390.000
Cổ phiếu thưởng	54.866.660.000	-	(9.550.000)	(54.866.660.000)	-	-	(9.550.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	165.494.240.578	165.494.240.578
Trích lụy đầu tư phát triển	-	-	-	70.200.000.000	-	(70.200.000.000)	-
Trích lụy khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia c ố tức	-	-	-	-	-	(132.898.567.500)	(132.898.567.500)
Số dư ại ngày 01/01/2015	600.000.000.000	153.050.000	(9.550.000)	478.252.653.866	12.450.000.000	71.639.443.716	1.162.485.597.582
Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều li	299.990.250.000	-	-	(299.990.250.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	238.235.471.228	238.235.471.228
Trích lụy khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (ii)	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia c ố tức (iv)	-	-	-	-	-	(119.998.090.000)	(119.998.090.000)
Số dư ại ngày 31/12/2015	899.990.250.000	153.050.000	(9.550.000)	178.262.403.866	12.450.000.000	179.076.824.944	1.269.922.978.810



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thí yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

(i) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 30 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty (Quy Đầu tư phát triển) với số lượng phát hành thêm là 29.999.025 cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1.

(ii) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015, Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 10.500.000.000 đồng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015 được phê duyệt. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 này sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

(iii) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015, Công ty đã thực hiện trích Quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền là 300.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2014.

(iv) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/NQ-HĐQT/2015 ngày 22 tháng 5 năm 2015, Công ty thực hiện chia cổ tức lần 2 từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 bằng tiền mặt với số tiền 59.999.045.000 đồng (tương đương với 1.000 đồng/cổ phần). Trong năm, Công ty cũng đã tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2015 bằng tiền mặt với số tiền 59.999.045.000 đồng (tương đương với 1.000 đồng/cổ phần) từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/NQ-KTA ngày 14 tháng 10 năm 2015.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ và vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 899.990.250.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	454.500.000.000	50,50%	454.500.000.000	303.000.000.000
Các cổ đông khác	445.490.250.000	49,50%	445.490.250.000	297.000.000.000
	899.990.250.000	100%	899.990.250.000	600.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	89.999.025	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	89.999.025	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	955	955
Cổ phiếu phổ thông	955	955
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	89.998.070	59.999.045
Cổ phiếu phổ thông	89.998.070	59.999.045
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chỉ kinh doanh một mặt hàng duy nhất là khí thấp áp (khí tự nhiên) và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực kinh doanh khí thấp áp và khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu bán khí	4.935.011.290.843	6.963.946.197.957
Doanh thu cung cấp dịch vụ	170.736.000	664.379.088
	4.935.182.026.843	6.964.610.577.045
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)	835.860.413.532	1.210.097.692.685

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Giá vốn bán khí	4.202.580.131.513	6.476.470.069.909
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	155.519.300
	4.202.580.131.513	6.476.625.589.209

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí mua khí	4.202.580.131.513	6.476.144.433.545
Chi phí nhân viên	72.045.532.606	51.681.860.801
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	24.588.366.405	9.517.880.823
Chi phí khấu hao TSCĐ	123.381.604.124	49.498.411.854
Chi phí thuê TSCĐ	61.383.263.527	60.010.850.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.337.094.341	17.621.154.370
Chi phí thuê văn phòng	6.389.797.888	5.712.095.376
Chi phí quảng cáo	1.831.242.700	8.143.201.050
Chi phí thưởng an toàn	4.953.716.594	4.288.721.925
Chi phí khác	99.879.485.309	88.847.770.828
	4.636.370.235.007	6.771.466.380.576

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là lãi tiền gửi có kỳ hạn và không có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thị yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	13.235.069.826	546.278.332
Chi phí nhân viên quản lý	10.704.144.848	8.846.893.100
Chi phí thuê văn phòng	6.389.797.888	5.712.095.376
Chi phí bảo hiểm	16.854.000.000	4.921.000.000
Chi phí dụng cụ đồ dùng	788.385.900	1.157.990.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.840.426.433	549.999.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.275.144.163	1.182.131.623
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	40.607.644.971	53.367.329.061
	94.694.614.029	76.283.718.373
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	66.295.104.352	47.123.689.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.106.459.961	48.316.280.231
Chi phí thuê tài sản cố định	61.383.263.527	60.010.850.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.496.667.908	20.212.814.356
Chi phí dụng cụ đồ dùng	23.799.980.505	8.359.889.941
Chi phí nhiên liệu	348.292.754	-
Chi phí quảng cáo	1.831.242.700	518.181.818
Các khoản chi phí bán hàng khác	28.834.477.758	34.015.367.018
	339.095.489.465	218.557.072.994

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	308.269.254.228	213.809.402.460
Các khoản điều chỉnh		
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	8.062.268.518	5.804.969.728
- Thủ lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	54.000.000	108.000.000
- Chi bảo hiểm vượt mức	3.439.000.000	3.755.564.550
- Chi phí ứng hộ	3.150.000.000	-
- Chi phí khác	1.419.268.518	1.941.405.178
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	316.331.522.746	219.614.372.188
- Thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh chính	316.331.522.746	219.614.372.188
- Thu nhập hoạt động khác	-	-
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	69.592.935.004	48.315.161.882
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay [*]	440.847.996	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	70.033.783.000	48.315.161.882

[*] Phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 Công ty phải nộp bổ sung theo kết quả thanh tra của Tổng cục thuế và Kiểm toán nhà nước.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	238.235.471.228	165.494.240.578
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(10.500.000.000)	(10.000.000.000)
- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (VND)	(300.000.000)	(300.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	227.435.471.228	155.194.240.578
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	89.998.070	89.998.070
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.527	1.724

Trong năm 2015, Công ty thực hiện phát hành thêm 29.999.025 cổ phiếu từ Quỹ Đầu tư phát triển. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 được xác định lại là 1.724 đồng/cổ phần, trong đó đã tính toán ảnh hưởng của việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC (số trình bày trên báo cáo năm 2014 là 3.108 đồng/cổ phần).

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	199.121.965.953	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.284.126.180.794	1.963.089.393.092
Nợ thuần	(1.085.004.214.841)	(1.963.089.393.092)
Vốn chủ sở hữu	1.269.922.978.810	1.162.485.597.582
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.284.126.180.794	1.963.089.393.092
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	482.504.372.271	985.609.144.617
Phải thu dài hạn khác	4.857.077.035	3.831.477.035
Tổng cộng	1.771.487.630.100	2.952.530.014.744
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	199.121.965.953	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	990.559.879.969	2.153.088.953.314
Chi phí phải trả ngắn hạn	169.984.105.092	5.059.644.789
Dự phòng phải trả ngắn hạn	461.916.000	380.268.000
Tổng cộng	1.360.127.867.014	2.158.528.866.103



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thị yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cùng với các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chỉ số sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 21 đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi thay đổi 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ ảnh hưởng như sau:

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	-
VND	-200	-
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(3.982.439.319)
VND	-200	3.982.439.319

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số khách hàng của Công ty không tuân thủ kỳ hạn thanh toán tiền khi như quy định tại hợp đồng kinh tế. Số tiền khi còn phải thu các đối tượng này đã được Công ty xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi như trình bày tại Thuyết minh số 9.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.284.126.180.794	-	-	1.284.126.180.794
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	482.504.372.271	-	-	482.504.372.271
Phải thu dài hạn khác	-	4.857.077.035	-	4.857.077.035
Tổng cộng	1.766.630.553.065	4.857.077.035	-	1.771.487.630.100

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	12.445.122.872	99.560.982.976	87.115.860.105	199.121.965.953
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	990.559.879.969	-	-	990.559.879.969
Chi phí phải trả ngắn hạn	169.984.105.092	-	-	169.984.105.092
Dự phòng phải trả ngắn hạn	461.916.000	-	-	461.916.000
Tổng cộng	1.173.451.023.933	99.560.982.976	87.115.860.105	1.360.127.867.014
Chênh lệch thanh khoản	593.179.529.132	(94.703.905.941)	(87.115.860.105)	411.359.763.086

31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.963.089.393.092	-	-	1.963.089.393.092
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	985.609.144.617	-	-	985.609.144.617
Phải thu dài hạn khác	-	3.831.477.035	-	3.831.477.035
Tổng cộng	2.948.698.537.709	3.831.477.035	-	2.952.530.014.744

31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	2.153.088.953.314	-	-	2.153.088.953.314
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.059.644.789	-	-	5.059.644.789
Dự phòng phải trả ngắn hạn	380.268.000	-	-	380.268.000
Tổng cộng	2.158.528.866.103	-	-	2.158.528.866.103

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thí yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Khí Việt Nam E Công ty Cổ phần	Công ty mẹ của Công ty
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

	2015	2014
	VND	VND
Mua hàng	4.611.934.881.777	6.585.645.095.500
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.148.137.489.621	6.544.644.790.514
- Mua khí	4.081.210.122.333	6.476.470.069.909
- Thuế văn phòng	5.490.698.850	5.712.095.376
- Thuế công trình "Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2"	60.010.850.004	60.010.850.004
- Chi phí ăn trưa, điện và khác	1.425.818.434	569.316.485
- Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí	-	370.818.159
- Công ty Dịch vụ khí	-	1.511.640.581
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần		
- Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	121.569.046.320	-
Liên doanh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	219.596.548.767	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu Khí	69.980.818.219	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	16.854.000.000	4.921.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	11.109.021.739	3.569.095.843
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	8.246.035.421	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	4.382.070.076	1.109.160.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	2.877.512.357	1.234.852.380
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	2.513.619.126	1.367.090.643
Công ty Cổ phần Công nghệ Dầu khí Vũng Tàu	2.228.940.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.138.094.025	2.812.701.141
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	1.718.569.856	43.035.504

Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	583.116.250	620.636.400
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	-	23.170.067.488
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	-	797.367.369
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí Việt Nam	-	620.636.400
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí	-	734.661.818
Ban hàng	835.860.413.532	1.210.097.692.685
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	451.064.935.605	741.971.364.141
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	368.545.300.676	468.126.328.544
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	14.433.313.947	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	1.816.863.304	-
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	6.918.189.995	4.670.742.788

Số dư với các bên liên quan chủ yếu tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	148.031.508.364	412.284.673.125
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	74.001.409.244	314.662.384.751
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	66.051.503.659	97.622.288.374
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	5.780.190.862	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	2.198.404.599	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thí yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

Phải t iu ngắn hạn khác	2.954.309.084	2.158.012.546
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	1.369.634.083	1.508.969.046
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	649.043.500	649.043.500
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	935.631.501	-
Trả tr iớc cho người bán ngắn hạn	10.193.302.980	49.587.049.350
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam	5.359.781.329	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.811.281.851	4.811.281.851
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	22.239.800	22.239.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo d iỡng Công trình Dầu Khí biển PTSC	-	32.294.267.699
Ký qu , kỳ cuộc dài hạn	2.933.077.035	2.431.477.035
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.409.856.435	1.409.856.435
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	1.523.220.600	1.021.620.600
Phải t iả người bán ngắn hạn	932.258.877.051	2.098.923.979.794
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	897.471.752.643	2.096.807.619.293
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần		
- Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	31.898.716.139	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	1.003.455.880	238.693.501
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	229.045.389	221.760.000
Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	1.655.907.000	1.655.907.000

Chi phí phải trả ngắn hạn	106.220.319.579	956.963.450
Liên danh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	104.460.786.191	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	1.759.533.388	956.963.450
Phải trả ngắn hạn khác	38.466.303.265	45.450.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	45.450.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần		
- Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	38.466.303.265	-
Tiền gửi ngân hàng	10.632.510	20.626.568
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	10.632.510	20.626.568

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng thuê tài sản số 120/2009/PV GAS-TC-PV GAS D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần) để thuê Hệ thống khí thấp áp giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008.

Công ty đã ký Hợp đồng số 314/HB/PVGAS/DAD-PVG D/D4 ngày 01 tháng 12 năm 2011 và bổ sung phụ lục số 07 ngày 01 tháng 7 năm 2015 với thời hạn 2 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015, với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần để thuê văn phòng tại tòa nhà PVGas Tower, giá thuê hàng tháng là 382.200 đồng/m².

Cam kết mua hàng

Theo Hợp đồng mua bán khí số 70/2012/PVGAS/HDK-PVGAS D/B1 ngày 16 tháng 3 năm 2012, Phụ lục bổ sung số 09 ngày 30 tháng 3 năm 2015 giữa Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần và Công ty có thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá mua khí từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần áp dụng trong năm 2015 là từ 102.308 đồng/MMBTU đến 219.481 đồng/MMBTU (giá mua khí áp dụng trong năm 2014 là từ 8,53 Đô la Mỹ/MMBTU đến 13,41 Đô la Mỹ/MMBTU, tương đương từ 182.201 đồng/MMBTU đến 286.438 đồng/MMBTU). Giá mua các năm tiếp theo sẽ được thỏa thuận lại khi kết thúc năm tài chính.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại/ trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN
Đơn vị: VND

Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chi tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	Tên chi tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
I. TÀI SẢN			I. TÀI SẢN			
1. Phải thu khách hàng	131	983.126.075.572	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	983.126.075.572	Đổi tên
2. Trả trước cho người bán	132	50.448.852.814	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	50.448.852.814	Đổi tên
3. Các khoản phải thu khác	135	3.142.937.147	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.158.937.147	Phân loại lại và đổi tên
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	16.000.000	4. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
5. Tài sản dài hạn khác	268	3.831.477.035	5. Phải thu dài hạn khác	216	3.831.477.035	Phân loại lại và đổi tên
II. NGUỒN VỐN			II. NGUỒN VỐN			
1. Chi phí phải trả	316	5.439.912.789	1. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.059.644.789	Phân loại lại và đổi tên
2. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	2. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	380.268.000	Phân loại lại
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	435.355.922.837	3. Quỹ đầu tư phát triển	418	478.252.653.866	Thay đổi mã số
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	42.896.731.029	Không có chỉ tiêu tương ứng			Phân loại lại
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH						
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.964.936.213.409	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.964.610.577.045	Trình bày lại
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.964.936.213.409	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.964.610.577.045	Trình bày lại
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.476.951.225.573	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.476.625.589.209	Trình bày lại
4. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.108	4. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.724	Trình bày lại

Thái Duy Phong
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Phương Thủy
Kế toán trưởng

Trần Thanh Nam
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

🏠 Tầng 7, Tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ Tel: (84.8) 3784 0368 - Fax: (84.8) 3784 0446

Email: info@pvgasd.com.vn

🌐 Website: www.pvgasd.com.vn
